ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

------- ------

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong Đại học Thái Nguyên

Thái Nguyên, 2015

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ BAN THƯ KÝ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN

(Kèm theo Quyết định Số: 57/QĐ – ĐHKTCN, ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Hiệu Trưởng Trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Vũ Ngọc Pi	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	PGS. TS. Nguyễn Duy Cương	Trưởng khoa Điện tử	P. Chủ tịch HĐ
3	PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng KT và ĐBCLGD	Ủy viên
4	PGS.TS. Ngô Như Khoa	Trưởng phòng Đào tạo	Uỷ viên
5	ThS. Nguyễn Quốc Hùng	Trưởng phòng QT-PV	Uỷ viên
6	CN. Nghiêm Văn Tiền	P. Trưởng phòng KH-TC	Uỷ viên
7	TS.Vũ Việt Vũ	Trưởng phòng CNTT-TV Trưởng BM Tin học Công nghiệp	Uỷ viên
8	ThS. Lê Xuân Hưng	P.GĐ TT dịch vụ tổng hợp	Uỷ viên
9	ThS. Đoàn Thanh Hải	P. Trưởng khoa Điện tử	Uỷ viên
10	TS. Nguyễn Phương Huy	Trưởng BM Kỹ thuật điện tử	Uỷ viên
11	TS. Đào Huy Du	P. Trưởng khoa Điện tử	Uỷ viên
12	TS. Nguyễn Văn Chí	Trưởng BM Đo lường điều khiển	Uỷ viên Thư ký

(Ấn định danh sách: 12 người)

MỤC LỤC

Nội dung **Trang**

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU 9
I. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo 9
II. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo....9
10. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo....9
11. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở đào tạo và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo …. 10
12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo ...11
13. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo 12
14. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo 12
15. Tổng số các ngành đào tạo 12
III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo....13
16. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo....13
17. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo 14
18. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi 15
19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu....15
IV. Người học (chỉ tính số lượng người học chương trình đào tạo này) 16
20. Tổng số sinh viên đăng ký dự thi tuyển vào chương trình đào tạo, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy): 16
21. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy....16
22. Số sinh viên quốc tế theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây....16
23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số sinh viên có nhu cầu 17
24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học 17
25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp đại học trong 5 năm gần đây....17
26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy: 18
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ 21

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được nghiệm thu trong 5 năm gần đây.....21
28. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo trong 4 năm gần đây.....21
29. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây.....22
30. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được xuất bản trong 5 năm gần đây.....22
31. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết sách trong 5 năm gần đây.....22
32. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây.....23
33. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây.....23
34. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây.....23
35. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây.....24
36. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp.....24
37. Nghiên cứu khoa học của sinh viên.....24
VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....25
38. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.....25
39. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau.....25
40. Diện tích phòng học.....25
41. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo.....25
42. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.....25
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng.....26
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG.....28
I. Đặt vấn đề.....28
II. Tổng quan chung.....30

III. Tự đánh giá.....40
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....40
Tiêu chí 1.1:.....40
Tiêu chí 1.2:.....42
Tiêu chí 1.3:.....44
Tiêu chí 1.4:.....45
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo.....47
Tiêu chí 2.1:.....47
Tiêu chí 2.2:.....48
Tiêu chí 2.3:.....49
Tiêu chí 2.4:.....50
Tiêu chí 2.5:.....52
Tiêu chí 2.6:.....53
Tiêu chuẩn 3: Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.....54
Tiêu chí 3.1:.....54
Tiêu chí 3.2:.....57
Tiêu chí 3.3:.....58
Tiêu chuẩn 4: Kiểm tra đánh giá.....60
Tiêu chí 4.1.....60
Tiêu chí 4.2:.....62
Tiêu chí 4.3:.....63
Tiêu chí 4.4:.....65
Tiêu chí 4.5:.....66
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển.....68
Tiêu chí 5.1:.....68
Tiêu chí 5.2:.....70
Tiêu chí 5.3:.....71
Tiêu chí 5.4:.....73
Tiêu chí 5.5:.....74
Tiêu chuẩn 6: Người học.....76
Tiêu chí 6.1:.....76

Tiêu chí 6.2: 78
Tiêu chí 6.3: 79
Tiêu chí 6.4: 81
Tiêu chí 6.5: 83
Tiêu chí 6.6: 84
Tiêu chuẩn 7: Trang thiết bị, cơ sở vật chất 87
Tiêu chí 7.1: 87
Tiêu chí 7.2: 88
Tiêu chí 7.3: 89
Tiêu chí 7.4: 91
Tiêu chí 7.5: 92
Tiêu chí 8.1: 94
Tiêu chí 8.2: 95
IV. Kết luận 97
PHỤ LỤC 98

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Chú thích
1	**ĐVHT**	Đơn vị học trình
2	**CTĐT**	Chương trình đào tạo
3	**VLVH**	Vừa làm vừa học
4	**NCKH**	Nghiên cứu khoa học
5	**CBVC**	Cán bộ viên chức
6	**SV**	Sinh viên
7	**HSSV**	Học sinh sinh viên
8	**TNTN**	Thanh niên tình nguyện
9	**BCH**	Ban chấp hành
10	**phòng CT-HSSV**	Phòng Công tác - Học sinh sinh viên
11	**GVCN-CVHT**	Giáo viên chủ nhiệm - Cố vấn học tập
12	**CVHT**	Cố vấn học tập
13	**ĐHKTCN-KT&ĐBCLGD**	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp-Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục
14	**BCN**	Ban chủ nhiệm
15	**ĐH**	Đại học
16	**Bộ GD&ĐT**	Bộ Giáo dục và Đào tạo
17	**ĐHTN**	Đại học Thái Nguyên
18	**QĐ-ĐHTN**	Quyết định - Đại học Thái Nguyên
19	**KT&ĐBCLGD**	Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục
20	**PGS**	Phó Giáo sư
21	**TS**	Tiến sĩ
22	**ThS**	Thạc sĩ
23	**Đại học KTCN**	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN

Mã/tên trường: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
Tên chương trình: Kỹ thuật điều khiển

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Thang điểm					Điểm trung bình của tiêu chuẩn
	⓿	❶	❷	❸	❹	
Tiêu chuẩn 1						3
Tiêu chí 1.1				3		
Tiêu chí 1.2				3		
Tiêu chí 1.3				3		
Tiêu chí 1.4				3		
Tiêu chuẩn 2						2,825
Tiêu chí 2.1				3		
Tiêu chí 2.2				3		
Tiêu chí 2.3				3		
Tiêu chí 2.4				3		
Tiêu chí 2.5			2			
Tiêu chí 2.6				3		
Tiêu chuẩn 3						3,33
Tiêu chí 3.1					4	
Tiêu chí 3.2				3		
Tiêu chí 3.3				3		
Tiêu chuẩn 4						3
Tiêu chí 4.1				3		
Tiêu chí 4.2				3		
Tiêu chí 4.3					4	
Tiêu chí 4.4			2			
Tiêu chí 4.5				3		
Tiêu chuẩn 5						3,4
Tiêu chí 5.1					4	
Tiêu chí 5.2					4	
Tiêu chí 5.3				3		
Tiêu chí 5.4				3		

Tiêu chí 5.5				3		
Tiêu chuẩn 6						3,5
Tiêu chí 6.1				3		
Tiêu chí 6.2					4	
Tiêu chí 6.3				3		
Tiêu chí 6.4					4	
Tiêu chí 6.5				3		
Tiêu chí 6.6					4	
Tiêu chuẩn 7						2,8
Tiêu chí 7.1				3		
Tiêu chí 7.2				3		
Tiêu chí 7.3				3		
Tiêu chí 7.4				3		
Tiêu chí 7.5			2			
Tiêu chuẩn 8						3
Tiêu chí 8.1				3		
Tiêu chí 8.2				3		
Điểm trung bình chung của chương trình						24,855/8 =3.1

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tháng 12/2015.

I. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

1. **Tên chương trình đào tạo** (tiếng Việt và tiếng Anh):
   Kỹ thuật điều khiển
   Control Engineering
2. **Tên viết tắt** (tiếng Việt và tiếng Anh):
   Kỹ thuật điều khiển
   Control Engineering
3. **Tên trước đây** (nếu có): Đo lường - Điều khiển, Điều khiển tự động
4. **Cơ sở đào tạo** (trường ĐH thành viên, khoa trực thuộc ĐHTN): Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên
5. **Địa chỉ:** Đường 3-2, phường Tích Lương – Thành phố Thái Nguyên- Tỉnh Thái Nguyên
6. **Số điện thoại liên hệ:** 02083.847.165
   E-mail: khoadientu@tnut.edu.vn Website: http://www.fee.tnut.edu.vn
7. **Năm thành lập cơ sở đào tạo** (theo Quyết định thành lập): 1964
8. **Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I** (của chương trình đào tạo được KĐCL): 1997
9. **Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I**: 2000

II. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

10. **Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển được thực hiện đào tạo trải qua hai giai đoạn

- Giai đoạn 1: Từ năm 1995 đến 2004, đào tạo tại Khoa Điện

Khoa Điện được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1972. Năm 1997 Khoa Điện chính thức mở ngành Đào tạo Đo lường và Điều khiển, đây là ngành học đáp ứng nhu cầu của xã hội về sự cần thiết có một đội ngũ cán bộ Kỹ thuật chuyên ngành Điều khiển cho các nhà máy sản xuất công nghiệp trên cả nước như: Các hệ thống điều khiển tự động trong công nghiệp lắp ráp, chế biến, sản xuất và phân phối điện năng, sản xuất thiết bị cơ khí, điều khiển hệ thống giao thông; các hệ thống phân phối và

điều khiển năng lượng trong tòa nhà; các hệ thống đo lường, giám sát và truyền thông công nghiệp v.v. Đây là đội ngũ kỹ thuật nhằm góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2005 đến nay, đào tạo tại Khoa Điện Tử

Khoa Điện tử được thành lập ngày 12 tháng 5 năm 2005 với tiền thân là sự kết hợp giữa ba bộ môn Kỹ thuật Điện tử; Kỹ thuật Đo lường và Điện tử viễn thông được tách ra từ Khoa Điện với Trung tâm Máy tính. Cùng với sự phát triển lớn mạnh của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, trải qua các khó khăn, thử thách, tập thể khoa đã sớm khẳng định được vị thế của mình và đã trở thành một trong các địa chỉ có uy tín về đào tạo, nghiên cứu, và chuyển giao công nghệ. Các ngành đào tạo của Khoa gồm có:

- Kỹ thuật điều khiển
- Điện tử viễn thông
- Kỹ thuật điện tử
- Kỹ thuật máy tính
- Cơ điện tử

Năm 2005 khi nhà trường chuyển hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ Khoa Điện tử đã thực hiện chương trình đạo tạo theo hệ thống tín chỉ với chương trình 180 tín chỉ và đến năm 2009 là 155 tín chỉ cho đến 2012 đối với các chuyên ngành. Đến năm 2013 Nhà trường đã yêu cầu Khoa rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo thành 155 tín chỉ với mục tiêu đáp ứng nhu cầu xã hội.

11. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở đào tạo và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

a. Cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp:

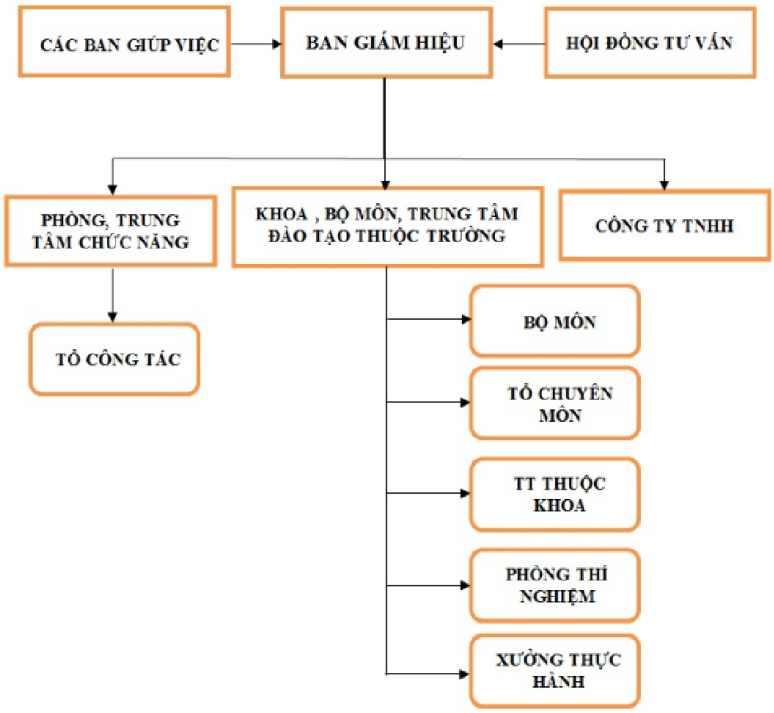

Hình 1 - *Cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp:*

b. Cơ cấu tổ chức của Khoa Điện Tử:

- Ban chủ nhiệm khoa
- Hội đồng khoa học giáo dục
- Bộ môn Đo lường - Điều khiển
- Bộ môn Điện tử viễn thông
- Bộ môn Kỹ thuật điện tử
- Bộ môn Kỹ thuật máy tính
- Bộ môn Cơ điện tử
- Tổ văn phòng

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
1. Ban Chủ nhiệm khoa			
Chủ nhiệm khoa	Nguyễn Duy Cương	1962	PGS.TS, Trưởng Khoa
Phó chủ nhiệm khoa	Đào Huy Du	1979	TS, Phó Trưởng Khoa
Phó chủ nhiệm khoa	Đoàn Thanh Hải	1979	ThS, Phó Trưởng Khoa
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội			

Chi bộ	Nguyễn Duy Cương	1962	PGS.TS, Bí thư
Đoàn thanh niên	Bạch Văn Nam	1984	ThS, Bí thư
Công đoàn	Trần Anh Thắng	1978	ThS, Chủ tịch
3. Các trung tâm/phòng trực thuộc			
4. Các bộ môn			
Đo lường Điều khiển	Nguyễn Văn Chí	1977	TS,Trưởng bộ môn
Điện tử Viễn thông	Đào Huy Du	1979	TS, Trưởng bộ môn
Kỹ thuật điện tử	Nguyễn Phương Huy	1979	TS, Trưởng bộ môn
Kỹ thuật máy tính	Vũ Việt Vũ	1978	TS,Trưởng bộ môn
Cơ điện tử	Phạm Thành Long	1977	TS, Trưởng bộ môn

13. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo

Số lượng ngành đào tạo: **04** ngành

- Kỹ thuật điện tử - truyền thông
- Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa
- Công nghệ thông tin
- Cơ điện tử

Chuyên ngành Đào tạo: **05** chuyên ngành

- Kỹ thuật điều khiển, mã ngành: D520216
- Kỹ thuật Điện tử, mã ngành: D520207
- Điện tử viễn thông, mã ngành: D520207
- Kỹ thuật máy tính, mã ngành: D520214
- Cơ điện tử: D520114

14. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	
Không chính quy		
Từ xa		
Liên kết đào tạo với nước ngoài		
Liên kết đào tạo trong nước		

Các loại hình đào tạo khác: không

15. Tổng số các ngành đào tạo: 04 ngành

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

16. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu**[1] *Trong đó:*	33	19	52
I.1	Cán bộ trong biên chế	27	12	
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	6	7	
II	**Các cán bộ khác** Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng[2])	0	0	0
	Tổng số			**52**

Thống kê, phân loại giảng viên *(Chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây)*

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn[3] trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	3	0	2	0	0

[1] Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

[2] Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

[3] Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

5	Thạc sĩ	37	32	5	0	0	0
6	Đại học	6	1	5	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	49	37	10	2	0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 49 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 94,23%

17. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007)

Số liệu bảng 17 được lấy từ bảng 16 nhân với hệ số quy đổi.

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	3,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2,5	1	1	0	0	0	0	2,5
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	5	3	0	2	0	0	7,2
5	Thạc sĩ	1,3	37	32	5	0	0	0	48,1
6	Đại học	1,0	6	1	5	0	0	0	6
7	Cao đẳng	0,5	0	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0,2	0	0	0	0	0	0	0

	Tổng		**49**	**37**	**10**	**2**	**0**	**0**	**63,8**

Cách tính:

Cột 10 = cột 3. (cột 5 + cột 6 + 0,3.cột 7 + 0,2.cột 8 + 0,2.cột 9)

18. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	2,04	1	0	0	0	0	1	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	10,2	5	0	0	5	0	0	0
5	Thạc sĩ	37	75,51	24	13	5	31	1	0	0
6	Đại học	6	12,25	3	3	5	1	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	**49**	**100**	**33**	**16**	**10**	**37**	**1**	**1**	**0**

18.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 34 tuổi

18.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 10.2%

18.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 75,51%

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	48,83	81,4

2	Thường sử dụng (60-80% thời gian của công việc)	44,18	18,6
3	Đôi khi sử dụng (40-60% thời gian của công việc)	6,99	
4	Ít khi sử dụng (20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
6	Tổng		

IV. Người học (chỉ tính số lượng người học chương trình đào tạo này)

20. Tổng số sinh viên đăng ký dự thi tuyển vào chương trình đào tạo, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2010-2011				124	14		
2011-2012				104	14		
2012-2013				23	15/30		
2013-2014				58	15/30		
2014-2015				110	15/30		

21. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Hệ chính quy	124	104	23	58	110
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

22. Số sinh viên quốc tế theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

	Năm học				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Số lượng	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0	0	0	0	0

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số sinh viên có nhu cầu

Các tiêu chí	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1. Tổng diện tích phòng ở (m2)	19080	19080	19080	19080	19080
2. Sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	342	405	456	435	416
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá (người)	56	65	08	30	75
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m^2/người	4.3	4.3	4.3	4.3	4.3

(Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá được tính bằng diện tích phòng / số SV quy định ở trong phòng)

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học

Số lượng	Năm học				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	52/124 41,9%	33/104 31,7%	12/23 52.1%	26/58 44,8%	45/110 40,1%

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp đại học trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Hệ chính quy	41	96	99	65	82
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	41	96	99	65	82
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	90	92	94	92	91
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: A. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời	100	100	100	100	100

đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời *KHÔNG* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	 60 90	 62 92	 61 91	 60 85	 63 86
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	10	8	9	15	14

4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	3.000.000	3.500.000	4.000.000	4.500.000	5.000.000
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	100	100	100	100	100
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

không điều tra về việc này.

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*, cấp ĐH	1,0	3	1	3	3	1	11
3	Đề tài cấp trường	0,5	24	13	27	7	1	36
4	Tổng		27	14	30	10	2	47

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi: 47

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 47/49 (Cán bộ cơ hữu của cả khoa Điện tử)

28. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo trong 4 năm gần đây

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%)	Tỷ số Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2010	267		6.36
2	2011	212		5.05
3	2012	376		8.95
4	2013	192		4.57

29. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	11	72	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	11	72	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước*

30. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được xuất bản trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	
2	Sách giáo trình	1,5	2		1	1	0	6
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng							

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 6

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6/49

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	2	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0

Tổng số cán bộ tham gia	0	2	0	0

32. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	0	2	2	4	4	18
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	20	4	9	12	28	73
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		20	6	11	16	32	91

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 91

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 91/49

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	12	72	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	1	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	12	72	0

34. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	5	0	10	5	0	20
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	1	1	0	0	3
3	Hội thảo cấp trường	0,25	40	18	20	0	40	59
4	Tổng		49	19	31	5	40	82

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 82

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:82/49

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	20	6	118
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	20	6	118

36. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không có

37. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

37.1. Số lượng sinh viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường/ Đề tài SV	

Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	141	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

37.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	3	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

38. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (tính bằng m2): 35ha

39. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m2):

- Nơi làm việc: 16402 m^2
- Nơi học: 27641 m^2
- Nơi vui chơi giải trí: 18737 m^2

40. Diện tích phòng học (tính bằng m2)

- Tổng diện tích phòng học: 16317 m^2
- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2.8 m^2/SV

41. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo

- Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm thông tin – thư viện : 715 đầu sách.
- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 7489 đầu sách.

42. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 252 máy

- Dùng cho sinh viên học tập: 373 máy
- Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên/sinh viên chính quy: 0.42 máy/ 10 SV

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 49
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 94.23
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%): 10.2
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%): 75.51

2. Người học (sinh viên):

- Tổng số sinh viên chính quy (người): 473
- Tổng số sinh viên quy đổi (người): 558
- Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 8.74
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 81%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

- Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100
- Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 86 – 90 (%)
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 10 – 14 (%)
- Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 3 đến 5 tr/ tháng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100

- Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):0

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 47/49
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 29,93
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6/49
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 91/49
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 82/49

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,42 máy/10 SV
- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2,8 m2/SV
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 4,3m2/SV

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảm bảo chất lượng trong giáo dục đào tạo là hoạt động quan trọng giúp Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp nói chung và Khoa Điện Tử nói riêng khẳng định chất lượng đào tạo với cơ quan quản lý Nhà nước, Bộ GD&ĐT, người học và xã hội. Mục đích của kiểm định chương trình đào tạo nhằm:

- Đánh giá được mức độ mà mỗi chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của sứ mạng và các mục tiêu của nhà trường; - Thấy được những điểm mạnh, những tồn tại trong việc thực hiện chương trình đào tạo và do đó đề ra được những giải pháp phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm tồn tại.
- Thực hiện tốt trách nhiệm giải trình với xã hội về những vấn đề liên quan tới các ngành đào tạo của mình.
- Giúp các cá nhân/tổ chức liên quan có những thông tin chính xác cần thiết về các chương trình đào tạo của trường đại học mà họ quan tâm để có những quyết định đúng khi phải giải quyết những vấn đề liên quan đến những chương trình đào tạo ấy

Hoạt động đảm bảo chất lượng giúp cho Nhà trường khẳng định vị thế trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời giúp Nhà trường tồn tại và phát triển trong giai đoạn hội nhập thế giới. Trong đảm bảo chất lượng thì hoạt động đánh giá chương trình đào tạo là một hoạt động quan trọng và thường xuyên của các trường đại học. Đánh giá chương trình là một phần không thể thiếu trong quá trình kiểm định cơ sở đào tạo đại học, đây là hoạt động giúp Nhà trường đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng các yêu cầu và nhu cầu của xã hội.

Đánh giá chương trình là những hoạt động có tính hệ thống, nằm trong một tiến trình, các hoạt động nhằm kiểm tra toàn bộ các khía cạnh của chương trình: đầu vào, hoạt động thực hiện chương trình, triển khai chương trình, kết quả đầu ra, đánh giá kết quả đầu ra.

Khoa Điện Tử – Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã chủ động triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo, hoạt động này là cơ sở để Khoa Điện Tử, Nhà trường cải tiến chất lượng, đổi mới phương pháp tiếp cận trong giáo dục đại học, đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, đồng thời thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ đã được

giao, đồng thời hiện thực hóa sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường, của chương trình đào tạo.

Quá trình tự đánh giá được thực hiện từ ngày 22/9/2014 đến 31/12/2015 Hội đồng tự đánh giá chương trình Kỹ thuật điều khiển đã tổ chức họp để bàn về phương pháp và kế hoạch thực hiện việc đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điều khiển, phân công nhiệm vụ từng thành viên trong tổ đảm nhiệm các tiêu chuẩn phù hợp với nhiệm vụ công tác của từng người.

Các bước tiến hành công tác tự đánh giá:

Bước 1: Phân công trách nhiệm của từng thành viên trong tổ

Bước 2: Các thành viên đọc tiêu chuẩn/tiêu chí, tài liệu hướng dẫn, mẫu báo cáo

Bước 3: Thu thập các minh chứng

Thu thập các văn bản cần thiết cho quá trình tự đánh giá

Tiến hành thu thập số liệu từ sinh viên các lớp trong các năm học 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013, 2013-2014, 2014 -2015.

Tiến hành thu thập ý kiến cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng lao động.

Bước 4: Viết báo cáo dự thảo lần 1. Tổ tự đánh giá đóng góp ý kiến, chỉnh sửa. Xin ý kiến của các cá nhân liên quan đến chương trình và tổ tư vấn.

Bước 5: Viết báo cáo lần 2. Tiếp nhận ý kiến của các tổ tư vấn, các giảng viên và viết báo cáo lần 2.

Bước 6: Đánh giá lại toàn bộ chương trình và hoàn chỉnh báo cáo lần cuối.

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo là kết quả của quá trình đánh giá liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian và sự tham gia của tất cả các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các Nhóm chuyên trách, Ban chỉ đạo góp phần lớn công sức nhằm thể hiện tính khách quan, trung thực và công khai. Kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo dựa trên cơ sở thực tế với hệ thống minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, bao quát đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn của Đại học Thái Nguyên. Thông qua hoạt động tự đánh giá, Khoa Điện Tử phát hiện những điểm còn tồn tại trong quá trình đào tạo, quản lý, đưa ra hệ thống các biện pháp và kế hoạch cải tiến chất lượng khắc phục điểm tồn tại, phát huy điểm mạnh v.v từ đó xây dựng văn hóa chất lượng trong giáo dục đại học của Nhà trường nói chung và Khoa Điện Tử nói riêng.

II. TỔNG QUAN CHUNG

MỞ ĐẦU

Khoa Điện Tử là đơn vị trực thuộc Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên. Khi tham gia đánh giá chương trình đào tạo, Khoa Điện tử xem đây là cơ hội để kiểm tra lại quá trình đào tạo, tìm ra căn cứ và cơ sở để cải tiến, hoàn thiện chương trình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu, nhu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập thế giới và quốc tế hiện nay.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Khoa Điện Tử đã bám sát vào sứ mạng của Nhà trường để xây dựng chương trình đào tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ cao (3C) bao gồm: ***Kỹ thuật điều khiển, Kỹ thuật máy tính và Kỹ thuật điện tử truyền thông***. Trên cơ sở đó, Khoa Điện Tử xác định nhiệm vụ chính cho ngành đào tạo Kỹ thuật điều khiển là: "***Đào tạo Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển có kiến thức khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở vững chắc, kiến thức chuyên môn trình độ cao cũng như kỹ năng thực hành tốt, với khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và sáng tạo, khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội. Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển có khả năng giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật trong các lĩnh vực điều khiển tự động trong sản xuất công nghiệp, trong các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu và các trường đại học. Đạt chuẩn mực đạo đức cao trong nghề nghiệp, trung thành với Tổ quốc, phục vụ tốt đất nước và xã hội*** ". Đây là một ngành quan trọng, được quốc tế cấp mã ngành và có riêng một tạp chí quốc tế xuất bản dành riêng cho ngành Kỹ thuật điều khiển (http://www.controleng.com/).

Chất lượng giáo dục đại học luôn là vấn đề được Khoa Điện tử quan tâm hàng đầu nhất là trong bối cảnh xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hoá - hiện đại hoá với phương châm "***Đảm bảo chất lượng đào tạo trong bất cứ hoàn cảnh nào*** ". Nhà trường và Khoa Điện tử đã thực hiện hình thức đào tạo theo tín chỉ với phương châm lấy người học làm trung tâm, tạo mọi điều kiện cho người học phát huy tinh thần "tự học, tự nghiên cứu", quá trình đào tạo chuyển dịch với phương thức đào tạo theo nhu cầu xã hội phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Mục tiêu chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển được xác định phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, yêu cầu của xã hội và thường xuyên được rà soát, đổi mới đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chương trình đào tạo có chuẩn mực về kiến thức và kỹ năng rõ ràng, phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Chương trình đào tạo đã đáp ứng được nhu cầu xã hội, tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành là >75%.

2. Những tồn tại

Mục tiêu chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển chưa thực sự được đông đảo nhà tuyển dụng biết đến, đặc biệt là các nhà tuyển dụng được đào tạo từ ngày xưa (*các năm 70, 80 và nửa đầu những năm 90*), vì các nhà tuyển dụng đó chưa nắm rõ được các quy định về ngành cũng như chuyên ngành của Bộ giáo dục và đào tạo và các nội dung phân biệt của ngành được quy ước chuẩn hóa quốc tế (*ví dụ như khi nói về ngành điện là chỉ có ngành điện khí hóa xí nghiệp công nghiệp*). Nội dung đào tạo cho sinh viên trong chương trình Kỹ thuật điều khiển đã được chú trọng nhiều vào thí nghiệm và thực hành. Tuy nhiên chưa đáp ứng được tối đa nhu cầu của sinh viên vì cơ sở vật chất còn chưa đầy đủ.Nhà trường chưa có quy trình cụ thể về đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh chuẩn đầu để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2015 – 2016, Khoa Điện Tử phối hợp chặt chẽ cùng các phòng ban chức năng, các khoa khác để thông tin mạnh mẽ thông qua các buổi giới thiệu, các ngày openday, website (*www.fee.tnut.edu.vn*) về chương trình đào tạo, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra ngành Kỹ thuật điều khiển tới các nhà tuyển dụng và xã hội. Bổ xung những nội dung đào tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua hoạt động giảng dạy lý thuyết kết hợp chặt chẽ với thực hành thí nghiệm các môn học trong chương trình đào tạo. Xây dựng và ban hành các quy trình về hoạt động đánh giá, điều chỉnh, bổ xung chương trình đào tạo. Khoa Điện tử kết hợp với Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình Kỹ thuật điều khiển.

Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định và phân biệt rõ các khối kiến thức để đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức. Được sắp xếp các học phần logic, cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp với tổng thể chương trình, thể hiện tính liên thông ngang, dọc tốt. Các môn học được sắp xếp đúng vào các khối kiến thức. Các môn học có yêu cầu tiên quyết, đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống, logic và sự bổ sung cho nhau. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội với số lượng sinh viên lựa chọn chương trình Kỹ thuật điều khiển có tỷ lệ nhiều hơn so với các chương trình khác trong Khoa Điện Tử. Đảm bảo liên thông dọc và liên thông ngang giữa các trình độ và phương thức tổ chức đào tạo. Người học được lựa chọn môn học trong danh mục môn học của từng học kỳ và được lựa chọn các môn học để cải thiện kết quả học tập theo quy định của quy chế đào tạo tín chỉ.

Thông qua mô tả chương trình, thể hiện mục đích, định hướng và mục tiêu cần đạt được để tạo cho sinh viên ý thức tự giác trong học tập, tổ chức việc học thích hợp và luôn vận dụng kiến thức mới, thông tin mang tính cập nhật liên quan đến chuyên ngành gắn với thực tế sản xuất của ngành nghề. Trong quá trình học tập, sinh viên hoàn thiện kỹ năng ở lĩnh vực đã chọn và biết rõ những gì mong đợi: phát triển kỹ năng chuyên môn, nghiên cứu, phát triển nhân cách và kỹ năng tác nghiệp, có sáng kiến theo hướng tích cực trong chuyên môn. Chương trình mong đợi ở sinh viên khả năng hiểu biết có bài bản các qui trình kỹ thuật chuyên môn và biết vận dụng vào thực tế một cách linh hoạt.

2. Những tồn tại

Số lượng học phần tự chọn chuyên sâu theo từng lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể của chương trình chưa nhiều và chưa thực sự đề cập đến những bài toán gần với nhu cầu xã hội. Những học phần tự chọn khó đáp ứng tới từng sinh viên theo nhu cầu một cách triệt để đôi khi chưa thực hiện được vì nhiều lý do khác nhau.

Tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo chưa được đánh giá và phân tích để thực hiện hiệu chỉnh cho phù hợp, mức độ phù hợp giữa nội dung chương trình và nhu cầu xã hội chưa được Nhà trường và Khoa khảo sát để đưa ra đánh giá.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập (*kiểm tra giữa học kỳ, đồ án, bài tập các điểm thành phần*) chưa có nhiều sự lựa chọn linh hoạt để đáp ứng với nhu cầu của sinh viên sao cho phản ánh được trung thực nhất kiến thức, kỹ năng, tư duy giải quyết vấn đề và triển vọng của sinh viên.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2015- 2016, tăng số lượng các học phần tự chọn chuyên sâu, được học vào năm thứ 4 và năm thứ 5 sao cho phù hợp với nhu cầu xã hội cụ thể trong chương trình đào tạo, bộ môn đã chủ động điều chỉnh nội dung dựa trên cách tiếp cận hướng thực tế

Tiếp tục rà soát, xây dựng đề cương chi tiết môn học, giáo án cần bổ sung, thể hiện thêm kỹ năng thực hành thông qua việc tăng cường số lượng các bài tập giao trên lớp cũng như, cụ thể hóa hơn kỹ năng thực hành trong từng giáo án, đề cương chi tiết. Đẩy mạnh công tác tiếp cận thiết bị thực tế thông qua đồ án, bài tập lớn được thực hiện trên phòng thí nghiệm. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy được tính linh hoạt trong nhận thức chuyên môn, nghiệp vụ, đánh giá tốt hơn nữa kiến thức và kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề thực tiễn của sinh viên.

Các học phần trong các chương trình đào tạo được biên soạn dựa nhiều trên các sách Tiếng Anh, các môn học mang tính cơ bản của chuyên ngành được dựa trên các tài liệu Tiếng anh chuẩn mực của các Đại học nổi tiếng thế giới. Đảm bảo cho sinh viên kiến thức phù hợp với thông lệ quốc tế, có đủ khả năng cập nhật chuyên môn bằng Tiếng anh và năng lực tự học sau này khi ra trường.

Tiêu chuẩn 3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được thực hiện đồng bộ từ Nhà trường (phòng đào tạo), các khoa chuyên môn, khoa Điện tử phổ biến đến tận các em sinh viên thông qua các kế hoạch đăng ký môn học, thời khóa biểu, giáo viên chủ nhiệm, hệ thống tương tác giữa Thầy cô và sinh viên thông qua hệ thống Eleaning của nhà trường.

Về công tác giảng dạy: Nhà trường và Khoa Điện tử luôn luôn coi trọng và tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên về phương pháp giảng dạy lấy

người học làm trung tâm. Định hướng, tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập và NCKH tới sinh viên dưới nhiều hình thức phong phú.

Về công tác phản hồi người học: định kỳ, Nhà trường và Khoa tiến hành sơ kết học kỳ để đánh giá tình hình giảng dạy và học tập; đối thoại với sinh viên để nắm bắt tình hình học tập, giải đáp những thắc mắc, khó khăn của sinh viên.

Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển với ưu điểm mạnh là tạo ra nhiều cơ hội học tập và giao lưu cho người học từ đó phát huy khả năng của bản thân như: tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thực hành, khả năng thuyết trình và chủ động trong học tập. Khoa và Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, giao lưu tạo cơ hội cho người học tham gia và phát huy khả năng cá nhân của người học.

2. Những tồn tại

Các cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm chưa thực sự phát huy vai trò và trách nhiệm của mình trong phân tích và góp ý để xây dựng chiến lược học tập đối với từng sinh viên. Việc nắm bắt những điểm mạnh, yếu, tâm lý và nguyện vọng của sinh viên còn chưa được tốt, phân tích khả năng học tập để tư vấn cho sinh viên về lộ trình học theo khả năng sao cho đáp ứng được chương trình đào tạo và thành tích học tập chưa được các giáo viên chủ nhiệm và các cố vấn học tập quan tâm một cách đúng mức.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để khắc phục những tồn tại về trong công tác tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, trong năm học 2015-2016 các bộ môn hoàn thiện triệt để đề cương chi tiết môn học, biên soạn đầy đủ bài giảng, bài tập phát cho sinh viên, bài tập ra từ sách Tiếng Anh, tài liệu thí nghiệm và thực hành. Định kỳ tổ chức hội nghị công tác cố vấn học tập cho các giảng viên. Vào các tuần cố định bộ môn lên lịch cụ thể về công tác giáo viên chủ nhiệm họp lớp để có kế hoạch cố vấn cụ thể qua đó nắm bắt nhu cầu học tập của sinh viên, cùng tháo gỡ những khó khăn trong quá trình học tập mà sinh viên gặp phải trong quá trình học tập.

Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra đánh giá

1. Những điểm mạnh

Để làm tốt công tác kiểm tra đánh giá, bộ môn đã có quy định cụ thể về số lượng điểm kiểm tra thành phần cho từng môn học phụ thuộc vào số tín chỉ, có thí nghiệm thực hành, quy định về thời hạn thông báo điểm trên hệ thống Eleaning.

Áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và được thực hiện thường xuyên phù hợp với để cương chi tiết cho từng học phần đã được triển khai cho chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông tin công khai đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau: website, niên giám, thông tin trực tiếp từ giảng viên môn học, giáo viên chủ nhiệm.

Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai đảm bảo công khai, chính xác. Khoa đã thực hiện nghiêm túc và đúng tiến độ hoạt động xây dựng và đánh giá ngân hàng câu hỏi cho đề thi đối với các môn học. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý song song bằng cả hai hệ thống là sổ sách và phần mềm Edusoft (*chuyên dụng quản lý đào tạo*), đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn. Kết quả học tập được công bố công khai, kịp thời.

2. Những tồn tại

Đối với một số môn học chuyên sâu cho chuyên ngành, việc cập nhật ngân hàng câu hỏi còn chưa nhiều. Một số đề thi chưa có đáp án chi tiết, nhất là đối với các môn học nằm trong phần tự chọn riêng và các môn học vừa điều chỉnh cho phù hợp trong chương trình đào tạo.

Một số môn học, đặc biệt là các môn học có thí nghiệm nhiều, tiến độ báo điểm tổng kết thành phần còn chậm trễ, hiện tượng sai sót nhỏ trong chấm thi đôi lúc còn xảy ra.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để thống nhất trong toàn trường, trong năm học 2015 – 2016 Nhà trường ban hành quy định hướng dẫn chi tiết việc thực hiện đánh giá. Quy định các bộ môn phân công chấm thi cụ thể cho giảng viên trong bộ môn, giảng viên có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Nhà trường với thời gian nộp điểm môn học cho Phòng đào tạo trong vòng 7 ngày tính từ ngày thi. Việc chấm điểm, vào điểm yêu cầu phải được thực hiện một cách chính xác

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

1. Những điểm mạnh

Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ đào tạo, Nhà trường đã xây dựng được tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho cán bộ,

giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ. Tạo môi trường cho đội ngũ CBVC phát huy phẩm chất cá nhân, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn. Hàng năm đều tổ chức đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên dựa trên các tiêu chí đã xây dựng và phổ biến một cách công bằng, minh bạch và khách quan.

Đội ngũ giảng viên, nhân viên thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Độ tuổi khá trẻ nên tiếp thu nhanh những kiến thức mới và thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học và thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ.

2. Những tồn tại

Giảng viên có trình độ TS chiếm tỉ lệ thấp (chiếm khoảng 10%). Số lượng giảng viên và chuyên viên tham gia đánh giá, khảo sát trước và sau khi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa nhiều. Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên. Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn trường. Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo tuần, giáo viên sẽ phải giảng trước bộ môn theo yêu cầu để được đánh giá, góp ý và nâng cao kỹ năng giảng dạy cũng như chuyên môn.

Năm học 2015- 2016, Khoa Điện tử lập kế hoạch và giao chỉ tiêu cụ thể cho từng bộ môn, từng giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn.

Tổ chức đánh giá hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên, chuyên viên trong phục vụ giảng dạy. Tiến hành lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên.

Tiêu chuẩn 6. Người học

1. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều chính sách thu hút người học tham gia, có những chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học. Việc cung cấp thông tin cho người học đã được Khoa Điện Tử hết sức quan tâm bằng nhiều hình thức cụ thể, đa dạng và đầy đủ đảm bảo cho người học yên tâm học tập thông qua việc hiểu rõ nội dung chương trình mà mình đang theo học. Nhiều biện pháp

hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được Khoa quan tâm và tạo điều kiện cho người học yên tâm trong học tập. Nhà trường, Khoa đã quan tâm đúng mức các hoạt động trên nên việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của SV có chuyển biến rõ rệt. Tình hình trật tự, an ninh trong Khoa cũng như trong Nhà Trường nhìn chung tốt.

2. Những tồn tại

Nhà trường chưa đánh giá hiệu quả của các hoạt động thu hút người học và chưa có các tài liệu để hướng dẫn người học về các chính sách thu hút người học vào quá trình đào tạo. Chưa tiến hành việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của cố vấn học tập trong việc cung cấp thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra. Chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo. Chưa tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Chưa có giải pháp hiệu quả, thu hút, lôi cuốn được SV tham gia. Bên cạnh đó còn chưa tổ chức được các hoạt động mang tính đặc thù dành riêng cho SV chương trình Kỹ thuật điều khiển. Khoa chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học thông qua trang webside, có văn bản hướng dẫn cụ thể về những chính sách khen thưởng cho sinh viên, tạo động lực cho người học tham gia vào chương trình đào tạo. Trong năm học 2015-2016 và những năm tiếp theo Khoa Điện tử sẽ tổ chức các buổi tư vấn và tiến hành khảo sát lấy ý kiến người về vai trò của cố vấn học tập với việc đáp ứng nhu cầu thông tin tới người học. Tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo. Tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về môi trường học tập chương trình Kỹ thuật điều khiển. Nhà trường tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này mỗi năm 1 lần.

Tiêu chuẩn 7. Trang thiết bị, cơ sở vật chất

1. Những điểm mạnh

Trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo đầy đủ, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học được trang bị công cụ

hỗ trợ giảng dạy hiện đại, đạt tiêu chuẩn. Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử. Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý. Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị có khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng, có tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của cán bộ, giảng viên và sinh viên để sửa chữa trang thiết bị.

2. Những tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện. Diện tích dành cho nghiên cứu khoa học và sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên chưa đạt yêu cầu. Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính thực hiện chưa tốt. Việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị còn chưa đầy đủ. Số lượng các thiết bị thí nghiệm cùng loại chưa đáp ứng được đồng thời cho nhiều sinh viên thực hành thí nghiệm cùng một lúc.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ của thư viện.

Trong năm học 2015-2016, xây dựng cơ chế và giải pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống mạng máy tính. Bổ sung hướng dẫn sử dụng lên các thiết bị ở giảng đường như máy chiếu, âm ly loa đài.

Năm học 2015 – 2016 tiếp tục tăng cường thiết bị thí nghiệm thực hành nhằm đáp ứng được yêu cầu thí nghiệm thực hành của chương trình ngành Kỹ thuật điều khiển.

Tiêu chuẩn 8. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/học tập

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

Nhà trường đã ra nhiều văn bản quy định về các công tác đảm bảo chất lượng trong quá trình giảng dạy, từ chuẩn hóa trình độ của giảng viên, giáo trình giáo án, trình độ ngoại ngữ nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Những tồn tại

Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện. Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm, do đó các góp ý từ phía họ là không nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ điều tra, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên với quy mô mẫu đủ lớn, áp dụng lấy ý kiến riêng cho chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển. Tổ lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội, dự kiến tổ chức lần tiếp theo vào năm 2016. Các ý kiến từ phía sinh viên, cựu sinh viên sẽ được mở rộng do tăng số lượng điều tra.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu của xã hội, được công bố rộng rãi tới các bên liên quan trong và ngoài Trường. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng đảm bảo các chuẩn mực về đạo đức, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần đạt được khi tốt nghiệp để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định phù hợp với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu của xã hội.

Từ khóa: mục tiêu của chương trình đào tạo, xác định, phù hợp, sứ mạng, yêu cầu xã hội.

1. Mô tả

Năm 2009 Nhà trường đã công bố: **Sứ mạng của trường Đại học KTCN là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và trên đại học với chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp điện nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt ở vùng núi và trung du Bắc bộ** [H1.01.01.01].

Mục tiêu của chương trình đào tạo kỹ sư điện chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được xác định trên cơ ở sứ mạng của Nhà trường là: "Đào tạo Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển có kiến thức khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở vững chắc, kiến thức chuyên môn trình độ cao cũng như kỹ năng thực hành tốt, với khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và sáng tạo, khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội. Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển có khả năng giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật trong các lĩnh vực điều khiển tự động trong sản xuất công nghiệp, trong các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu và các trường đại học. Đạt chuẩn mực đạo đức cao trong nghề nghiệp, trung thành với Tổ quốc, phục vụ tốt đất nước và xã hội ".

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc chuyên môn sau [H1.01.01.01], [H1.01.01.12]:

Có thể làm công tác thiết kế, lắp đặt, vận hành các hệ thống đo lường và điều khiển tự động các trong các xí nghiệp công nghiệp; trong các công trường xây dựng và

khai thác; trong các công ty sản xuất chế biến (đường, sữa, thực phẩm, giấy, ximăng, hóa dầu, luyện gang, cán thép v.v) và các công ty lắp ráp (xe máy, ôtô, các thiết bị điện tử v.v), các công ty truyền tải và phân phối điện năng; trong các công ty nghiên cứu và phát triển về điều khiển và tự động hóa; các công ty quản lý tự động tòa nhà.

Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, trong các cơ sở đào tạo (cao đẳng và đại học), dạy nghề .

Làm chuyên viên quản lý nhà nước về các hệ thống đo lường và điều khiển công nghiệp trong các sở Công nghiệp, sở Khoa học Công nghệ của các tỉnh.

Làm công tác quản lý, thiết kế, vận hành trong các công ty liên doanh nước ngoài, các cơ sở có dây chuyền sản xuất hiện đại, có hệ thống tự động hoá và điều khiển tự động ở mức độ cao.

Làm chuyên viên tại các chi cục đo lường, các trung tâm đo lường, kiểm định của các tỉnh như: Chi cục đo lường của Tỉnh; các phòng công tơ, đo lường, thí nghiệm của Điện lực, các phân xưởng đo lường tự động của các nhà máy

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu của xã hội thể hiện:

Hoàn toàn phù hợp với sứ mạng của nhà trường, góp phần quan trọng trong việc cụ thể hóa sứ mạng của nhà trường đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực đại học và trên đại học chất lượng cao nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được xây dựng bắt đầu từ việc tiến hành nghiên cứu, khảo sát nhu cầu của xã hội và các bên liên quan và được căn cứ vào các Văn bản quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo, Đại học Thái Nguyên và các văn bản quy định cụ thể của Trường Đại học KTCN. Khoa Điện Tử trực tiếp xây dựng chương trình đào tạo (trong đó có mục tiêu đào tạo) thông qua tổ chuyên trách xây dựng chương trình đào tạo và Hội đồng khoa học khoa.

Sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng khoa học nhà trường và được phê duyệt bởi Hiệu trưởng, chương trình đào tạo được chính thức ban hành [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.06]. Đề cương chi tiết cho từng ngành học, từng môn học được công bố công khai để sinh viên chủ động trong việc lựa chọn kế hoạch học tập phù hợp đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp cũng như đúng quy chế đào tạo tín chỉ [H1.01.01.07], [H1.01.01.09].

Bộ môn, giảng viên và các cán bộ của Khoa được phổ biến mục tiêu đào tạo của Chương trình ngành Kỹ thuật điều khiển thông qua các cuộc hop Khoa, bộ môn, trên Website, sinh viên được phổ biến thông qua các buổi sinh hoạt lớp và sinh hoạt chính trị đầu khóa [H1.01.01.11] cũng như được cung cấp trong các sổ tay sinh viên được phát ở đầu năm học [H1.01.01.12].

Việc thực hiện việc rà soát và đổi mới chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển (*đã rà soát đối với K40 đến K49*) cũng đã được tiến hành, mục tiêu chương trình đào tạo cũng được xem xét lại và có thể được đổi mới để đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội đảm bảo đúng quy chế đào tạo tín chỉ [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14] .

2. Những điểm mạnh

Sứ mạng của nhà trường và mục tiêu chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển đã được xác định rõ ràng và công bố rộng rãi trong nhà trường cũng như ngoài xã hội. Được điều chỉnh và bổ xung theo từng giai đoạn.

3. Những tồn tại

Mục tiêu chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển còn chưa đáp ứng được tốt nhu cầu xã hội về kỹ năng thực tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2015 -2016, Khoa tổ chức việc đề nghị nhà trường bổ xung thêm các thiết bị thí nghiệm về cho bộ môn chuyên ngành, từ đó bộ môn chủ động đưa thêm nhiều các học phần đồ án cũng như bài tập được gắn với thiết bị thực. Tiếp tục rà soát và điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo kỹ sư Điện chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội về thực tiễn.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được.

Từ khóa: mục tiêu, xác định, chuẩn mực, cần đạt được

1. Mô tả

Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển có mục tiêu rõ ràng, cụ thể: đào tạo ra các kỹ sư có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điện, có năng lực chuyên môn về lĩnh vực kỹ thuật điều khiển (điều

khiển tự động), có khả năng lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện điều hành quá trình sản xuất công nghiệp [H1.01.02.01].

Để đạt được các mục tiêu chung này, người học được thực hiện theo các chuẩn kiến thức và kỹ năng sau:

Về kiến thức: Kiến thức cơ bản của khoa học xã hội- nhân văn và khoa học tự nhiên, kiến thức kỹ thuật chung, các kiến thức về chuyên môn chính là thiết kế, vận hành, sửa chữa và điều hành các hệ thống điều khiển tự động cho quá trình sản xuất công nghiệp.

Về kỹ năng: Hoàn toàn nhận định tình huống kỹ thuật, có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch sản xuất, ra quyết định để giải quyết, có khả năng tư duy độc lập. Thành thạo kỹ năng giao tiếp, đàm phán bằng tiếng Việt và tiếng Anh và quan hệ công chúng trong vận hành sản xuất; Có khả năng tổ chức, và làm việc theo nhóm; Thành thạo sử dụng máy tính, vận dụng tốt các số phần mềm trong kỹ thuật điện và chuyên ngành.

Mục tiêu chung của chương trình Kỹ thuật điều khiển là cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra của ngành để đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu xã hội. Từ mục tiêu chung của chương trình là cơ sở để xây dựng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể trong đề cương từng môn học về kiến thức, thái độ, kỹ năng mà người học cần tiếp thu [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.01.09].

Các chuẩn về kiến thức, thái độ, kỹ năng mà người tốt nghiệp cần thu được và được công bố rộng rãi cho các giảng viên và sinh viên. Trước khi bắt đầu mỗi khóa học, các giảng viên của chương trình Kỹ thuật điều khiển giới thiệu cho sinh viên về các chuẩn này, dùng các chuẩn này để đối chiếu trong quá trình học.

Mặc dù, mục tiêu chung của chương trình đào Kỹ thuật điều khiển rất chú trọng đến kỹ năng cho người học như thành thạo sử dụng máy tính để thiết kế mô phỏng hệ thống điều khiển và tiếng Anh. Tuy nhiên, những kỹ năng mềm còn chưa được đưa nhiều vào chương trình đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo có chuẩn mực về kiến thức và kỹ năng rõ ràng và phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

3. Những tồn tại

Kỹ năng thực hành cho người học trong chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển còn chưa được đưa nhiều vào chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2015– 2016, bổ sung thêm nội dung đào tạo, như rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua hoạt động giảng dạy một số môn học, như đưa thêm các bài tập được thực hiện tại phòng thí nghiệm hoặc sinh viên tự thực hiện xây dựng các hệ thống thực nghiệm của riêng mình thông qua đồ án. Yêu cầu sinh viên làm việc tại phòng thí nghiệm theo lịch.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá, điều chỉnh và bổ sung

Từ khóa: chương trình đào tạo, định kỳ đánh giá, điều chỉnh, bổ sung

1. Mô tả

Chương trình Kỹ thuật điều khiển được đưa vào giảng dạy năm 1997 sau khi có quyết định mở ngành đào tạo với tên cũ là Đo lường Điều khiển. Năm 2010, Nhà trường công bố khung chương trình Điều khiển tự động, người học phải tích lũy 155 tín chỉ trong đó khối kiến thức đại cương ấn định là 47 ĐVHT, khối kiến thức cơ sở ngành 72 và khối kiến thức chuyên ngành 36. Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển theo hệ thống tín chỉ đã được đưa vào giảng dạy cho đến 2013 [H1.01.03.04]. Năm 2013, Nhà trường tiến hành rà soát và điều chỉnh lại khối lượng kiến thức giữa các phần để phù hợp với nhu cầu xã hội. Đã giúp cho người học ngày càng làm chủ kế hoạch học tập và làm chủ kiến thức của mình, đúng như tinh thần của hình thức đào tạo theo tín chỉ. [H1.01.03.01], [H1.01.03.03]

Việc đánh giá chương trình đào tạo thông qua các tiêu chí kiểm định chất lượng và khảo sát các cựu sinh viên để làm cơ sở tiếp tục rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo [H1.01.03.02], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]..

Như vậy, chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển được đánh giá, điều chỉnh, bổ sung từ cấp Bộ môn, Hội đồng Khoa học của Khoa và sau đó được Hội đồng khoa học nhà trường xét duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, nhà trường chưa có quy trình đánh giá chương trình đào tạo mới.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển được định kỳ đánh giá, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa có quy trình cụ thể về đánh giá chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2015 – 2016, Nhà trường xây dựng, ban hành quy trình về hoạt động đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động, xã hội

Từ khoá: chuẩn đầu ra, đáp ứng, thị trường lao động/ xã hội

1. Mô tả

Năm 2010, Nhà trường lần đầu tiên công bố chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo Dục. Năm 2013, Nhà trường tiến hành rà soát lại cho phù hợp hơn. Đến nay chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển của Khoa Điện Tử đã xác định yêu cầu cụ thể đối với 3 nhóm yếu tố về: [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03].

Kiến thức: Sử dụng các kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết các vấn đề về Kỹ thuật điều khiển trong công nghiệp.

Kỹ năng: Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp; khả năng đảm nhiệm các công việc thiết kế, lắp đặt, vận hành, hiệu chỉnh, sửa chữa, kiểm tra, bảo trì, quản lý các hệ thống điều khiển từ đơn giản đến phức tạp trong các nhà máy, công ty sản xuất công nghiệp.

Phẩm chất đạo đức: có trách nhiệm công dân; ý thức tổ chức kỷ luật, tự tin, linh hoạt, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, hiểu biết vai trò quan trọng của ngành Kỹ thuật điều khiển trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, Nhà trường đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển. Năm 2010, chuẩn đầu ra cho ngành Kỹ thuật điều khiển được xây dựng theo quy trình như sau:

Họp, hội thảo: Khoa tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai. Đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia, đề xuất các kiến thức, kĩ năng, phẩm chất đạo đức tương ứng với ngành đào tạo để có

danh mục chuẩn đầu ra của ngành, hướng tới sản phẩm đào tạo cụ thể theo định hướng nghề nghiệp [H1.01.04.05].

Lấy ý kiến: Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin từ các đối tượng bao gồm: giảng viên, chuyên gia đào tạo, cán bộ và lãnh đạo phòng nhân sự, trưởng các bộ phận của đơn vị sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp [H1.01.04.04]

Trên cơ sở chuẩn đầu ra đã được công bố, Khoa tiến hành rà soát, xây dựng lại chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển với mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03].

Năm 2014, Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến từ phía người học đã tốt nghiệp bằng hình thức điều tra chọn mẫu, kết quả điều tra cho thấy sinh viên sau khi ra trường đều đáp ứng các kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn đã được đào tạo [H1.01.04.04].

Chuẩn đầu ra chương trình Kỹ thuật điều khiển đã đáp ứng được nhu cầu xã hội, tuy nhiên các hoạt động đánh giá, điều chỉnh mục đích, mục tiêu của chương trình đào tạo còn chưa chủ động, chưa có kế hoạch cụ thể.

2. Những điểm mạnh

Chuẩn đầu ra cụ thể, chi tiết, xây dựng đúng quy trình; Phù hợp với chương trình đào tạo, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội.

3. Những tồn tại

Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh để chuẩn đầu ra chương trình Kỹ thuật điều khiển để đáp ứng tốt hơn nữa thị trường lao động và nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2015 – 2016, Khoa Điện Tử kết hợp với Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình Kỹ thuật điều khiển.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Kết luận

Chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu của xã hội, được công bố rộng rãi tới các bên liên quan trong và ngoài trường. Mục tiêu chương trình đào tạo được xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học cần đạt được khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo sẽ được rà soát, điều chỉnh bổ sung trong thời gian tới với sự tham gia của các biên liên

quan nhằm đổi mới, cải tiến chương trình đáp ứng nhu cầu của người học, thị trường lao động và xã hội.

Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định, sứ mạng của Nhà trường, đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể chương trình đào tạo. Các học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo tính lôgic, hợp lý, cân đối phù hợp với tổng thể đáp ứng nhu cầu người học. Chương trình đào tạo đảm bảo hợp lý giữa các trình độ và phương thức đào tạo, tạo điều kiện cho người học lựa chọn hình thức đào tạo, tiến độ học tập, đảm bảo tính mềm dẻo trong đào tạo.

Tiêu chí 2.1: Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Từ khóa: xây dựng chuẩn đầu ra, phù hợp, quy định.

1. Mô tả

Căn cứ Quyết định số 18/ĐHKTCN-TT&ĐBCLGD ngày 19/3/2012 của Hiệu trưởng Nhà trường về việc cử 70 cán bộ tập huấn chuẩn đầu ra tại Trung tâm học liệu – Đại học Thái Nguyên. Đến 10/4/2012 Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo nhằm rà soát lại chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và các chương trình đào tạo khác đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra mà Nhà trường vừa mới ban hành. Với số lượng tín chỉ được quy định là từ 150-155 tín chỉ, trong đó có nhiều môn cơ bản, cho nên chương trình cố gắng đưa được số lượng nhiều nhất có thể các học phần tự chọn với chuyên môn sâu vào trong chương trình, thể hiện tính đặc thù của ngành [H1.01.04.01], [H2.02.01.01].

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo này có sự tham gia của các thành viên hội đồng khoa học khoa, các giảng viên và các chuyên gia đào tạo. Quá trình xây dựng được tuân thủ theo quy trình như sau: Hội đồng Khoa học khoa Điện Tử, căn cứ chương trình khung của Bộ GD&ĐT, đồng thời trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các chuyên gia đào tạo, nhu cầu học tập của xã hội, chuẩn đầu ra đã được ban hành để tiến hành xây dựng khung chương

trình và đề cương các học phần. Khung chương trình đào tạo được thông qua Hội đồng Khoa học Khoa, sau đó được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thẩm định, đóng góp ý kiến, chỉnh sửa và hoàn thiện và trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.05 ÷ 09].

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được rà soát với sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, các nhà tuyển dụng, chuyên gia đào tạo, cựu sinh viên và giảng viên.

3. Những tồn tại

Số lượng học phần các học phần chuyên môn chuyên sâu trong chương trình chưa nhiều như mong muốn. Hiện tại số phần trăm các học phần chuyên sâu mới đạt khoảng 20% trên tổng số 155 tín chỉ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2015- 2016, tăng số lượng các học phần chuyên môn giảm số lượng các học phần cơ bản và cơ sở cho cân đối với chương trình đào tạo, có thể phấn đầu điều chỉnh số học phần chuyên ngành lên đến 30-35%.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Chương trình đào tạo đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng cần thiết khác.

Từ khóa: cân đối, các khối kiến thức, kỹ năng

1. Mô tả

Chương trình được đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức, được sắp xếp một cách có hệ thống với tỷ lệ là: Khối kiến thức học những năm đại cương 47/155 tín chỉ chiếm tỷ lệ 30,3%, khối kiến thức học khi đã phân chuyên ngành 109/155 tín chỉ chiếm tỷ lệ 69,7% [H2.02.02.01].

Chương trình được xây dựng có đầy đủ đề cương chi tiết các môn học, đảm bảo công tác giảng dạy của các giảng viên trong mỗi môn học được thống nhất. Cụ thể: Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển chính quy được thiết kế cho 5 năm học với tổng số tín chỉ toàn khóa là 155 tín chỉ. Khối kiến thức đại cương 47/155 tín chiếm 30,3%, khối kiến thức cơ sở của khối ngành 72/155 tín chỉ chiếm 46,5%, Khối kiến thức chuyên ngành 29/155 tín chỉ chiếm tỷ lệ 18,7%, thực tập tốt nghiệp, Đồ

án tốt nghiệp 7/155 tín chỉ chiếm 4,5%, không bao gồm tín chỉ GDTC và GDQP [H2.02.02.02]. Mỗi khối kiến thức của chương trình đều được rà soát, thiết kế các học phần bắt buộc và tự chọn đã làm tăng sự phong phú đa đạng về môn học trong chương trình, giúp sinh viên có điều kiện mở rộng kiến thức, trong đó các khối kiến thức cũng được điều chỉnh phân công sắp xếp hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức. Các môn học đều có yêu cầu tiên quyết theo thứ tự trước sau đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống của các môn học, tính linh hoạt còn được thể hiện qua sự lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05].

Chương trình đã thể hiện cấu trúc hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học, đồng thời đảm bảo các chuẩn đầu ra về kỹ năng của chuyên ngành, kỹ năng ngoại ngữ-tin học [H2.02.02.02].

2. Những điểm mạnh

Chương trình chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được sắp xếp các học phần logic, cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức, tỷ lệ phần trăm giữa các khối phù hợp với tổng thể chương trình.

3. Những tồn tại

Chương trình chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển chưa thể hiện, lồng ghép nhiều các kỹ năng mềm để phục vụ tốt hơn cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2015-2016. Khoa Điện tử sẽ rà soát, xây dựng đề cương chi tiết môn học, giáo án nên cần bổ sung, thể hiện thêm kỹ năng thực hành, cụ thể hóa hơn kỹ năng thực hành trong từng giáo án, đề cương chi tiết.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Các môn học có sự logic bổ sung cho nhau

Từ khóa: các môn học, logic, bổ sung

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp được sắp xếp một cách có hệ thống, cấu trúc hợp lý, cân đối đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học [H2.02.03.01],[H2.02.03.02]. Chương trình được thiết kế đảm bảo

phù hợp về thời lượng, số tín chỉ và nội dung giảng dạy. Các môn học được tổ hợp có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển tuần tự của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng, [H2.02.03.03]. Các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung như: mô tả tóm tắt nội dung môn học, môn học tiên quyết, môn học song hành, môn học học trước, v.v đảm bảo tính lôgic và thống nhất trong chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu trong công tác giảng dạy [H2.02.03.05]. Các môn học có nội dung kế thừa để phát triển các kiến thức học được từ bậc học trước và các môn đã học trong chương trình đào tạo. Tỷ lệ giữa lý thuyết, thực hành và tự học phân bổ hợp lý theo mục tiêu của môn học. Hàng năm Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến của người học đánh giá các môn học trong chương trình đào tạo của Khoa Điện Tử trước khi sinh viên tốt nghiệp [H2.02.03.04], [H2.02.03.06].

2. Những điểm mạnh

Các môn học đều có đề cương chi tiết, có yêu cầu tiên quyết theo thứ tự trước đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống, logic và sự bổ sung cho nhau.

3. Những tồn tại

Khoa chưa lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2015 – 2016, Khoa tổ chức lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội.

Từ khóa: nội dung, phù hợp, mục tiêu, nhu cầu xã hội.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển là đào tạo kỹ sư Kỹ thuật điều khiển có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực Kỹ thuật điều khiển. Chương trình này là cơ sở cho quá trình tự học và phát triển toàn diện của người học;

tạo cho họ khả năng áp dụng, tổ chức triển khai các kiến thức chuyên môn vào sản xuất công nghiệp cũng như các ứng dụng khác [H2.02.04.01], [H2.02.04.02].

Sinh viên sau khi tốt nghiệp làm các công việc kỹ thuật hoặc quản lý, điều hành sản xuất trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp hoặc trong các lĩnh vực kỹ thuật khác; các cơ sở đào tạo và nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực Điện – Kỹ thuật điều khiển. Đây là những yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học. Đây cũng chính là tiêu chuẩn xã hội sử dụng để đánh giá kết quả đào tạo của nhà trường trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng mà sinh viên tích lũy được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển. [H2.02.04.02]. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được xây dựng trên cơ sở khung chương trình của bộ GD&ĐT ban hành, có đề cương chi tiết, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách có hệ thống, có sự liên thông giữa các trình độ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của Nhà trường đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển tất cả các môn học đều có đề cương chi tiết trong đó quy định rõ tên học phần, thời lượng, phân bổ thời gian (tỉ lệ phần lý thuyết, thực hành), điều kiện tiên quyết, mục tiêu, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu học tập tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, nội dung chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy được xây dựng và phê duyệt theo kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường [H2.02.04.01], [H2.02.04.03], [H2.02.04.04].

Vấn đề khảo sát nhu cầu học tập của xã hội đối với ngành Kỹ thuật điều khiển cũng đã được triển khai nhưng chưa thường xuyên, bài bản và định kỳ cho nên Khoa và Nhà trường cũng nắm bắt được chưa nhiều về sự biến động theo nhu cầu xã hội.

2. Những điểm mạnh

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực thị trường lao động.

3. Những tồn tại

Nhà trường và Khoa chưa khảo sát được nhu cầu xã hội một cách thường xuyên và định kỳ đối với ngành đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển để điều chỉnh bổ xung cho phù hợp hơn nữa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên, hai năm một lần Khoa Điện Tử tiến hành khảo sát nhu cầu xã hội với người học tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển để điều chỉnh phù hợp với nhu cầu học tập của xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo.

Từ khóa: thiết kế, liên thông, hợp lý, trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được thiết kế các chương trình giáo dục liên thông dọc và liên thông ngang. Đối với những cá nhân đã tốt nghiệp cao đẳng các ngành khác thuộc khối ngành Điện – Điện tử thì không phải học kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở và kiến thức cơ sở của ngành chính, học kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 65 tín chỉ [H2.02.05.01],[H2.02.05.02], [H2.02.05.03].

Các môn học trong chương trình đào tạo liên thông chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được thiết kế theo nguyên tắc mềm dẻo, phát triển theo hướng kế thừa và tích hợp theo nguyên tắc bù đủ những khối lượng kiến thức còn thiếu và kiến thức cập nhật mới phù hợp với thực tế xã hội, để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích luỹ ở trình độ Cao đẳng. Dựa trên sự kế thừa kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành, người học tiếp tục học thêm 65 tín chỉ trong chương trình đào tạo liên thông Kỹ thuật điều khiển bao gồm kiến thức chung của ngành chính và kiến thức chuyên sâu của ngành chính. Các môn học giúp sinh viên có được và nâng cao các kiến thức chuyên môn về Kỹ thuật điều khiển, có tinh thần trách nhiệm và tính kỷ luật [H2.02.05.04],[H2.02.05.05].

Chương trình đào tạo đảm bảo liên thông hợp lý giữa các phương thức tổ chức đào tạo. Đối với chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển, chương trình đào tạo được thực hiện theo phương thức đào tạo học chế tín chỉ.

2. Những điểm mạnh

Đảm bảo liên thông dọc và liên thông ngang giữa các trình độ và phương thức tổ chức đào tạo.

3. Những tồn tại

Chưa tiến hành rà soát, bổ sung các học phần mới trong chương trình đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2015-2016 và các năm tiếp theo, Khoa tiếp tục tiến hành rà soát, bổ sung các học phần mới trong chương trình đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 2

Tiêu chí 2.6: Chương trình đào tạo mềm dẻo nhằm giúp người học có khả năng lựa chọn môn học, tiến độ học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá và thời gian học tập phù hợp.

Từ khóa: chương trình đào tạo mềm dẻo, lựa chọn môn học, phù hợp

1. Mô tả

Trong chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển, người học phải học khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành, và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Về tiến độ học tập, sinh viên được lựa chọn tối thiểu 13 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ trong một học kỳ. Sau mỗi học kỳ, nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá kết quả học tập của sinh viên và có các hình thức nhắc nhở, cảnh cáo để sinh viên quan tâm, chú trọng học tập và tốt nghiệp theo đúng tiến độ [H2.02.06.01].

Đối với phương pháp kiểm tra và đánh giá, công tác tổ chức thi và đánh giá việc học của sinh viên một cách chặt chẽ, nghiêm túc và khách quan. Phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần đa dạng, phù hợp với mục tiêu của học phần, khuyến khích người học chủ động trong học tập và phản ánh đúng năng lực của người học, bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ[H2.02.06.02]. Đánh giá thường xuyên gồm kiểm diện, minh chứng tham gia semina, làm việc nhóm, trắc nghiệm, bài tập. Đánh giá định kỳ bao gồm kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ. Đối với sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp được phép lựa chọn các học phần học thay thế như trên. Ngoài ra, trong chương trình học, sinh viên không chỉ được tiếp cận tài liệu từ tiếng Việt mà còn có tài liệu và bài tập từ Tiếng Anh. Những tài liệu và bài tập này được các thày cô giảng dạy trực tiếp biên soạn lại và giao cho sinh viên. [H2.02.06.03]

Đối với khả năng lựa chọn thời gian học tập, người học theo hình thức học chế tín chỉ được lựa chọn thời gian học ban ngày, tập trung liên tục tại trường, sau khi kết thúc khoá học, nếu đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp của hệ chính quy, người

học được cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy. Đối với sinh viên hệ phi chính quy theo hình thức học chế tín chỉ, thời gian học được sắp xếp phù hợp với nhu cầu và đặc thù của người học[H2.02.06.04].

2. Những điểm mạnh

- Sinh viên được lựa chọn môn học trong danh mục môn học của từng học kỳ.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học, giúp người học chủ động và tích cực trong học tập.

3. Những tồn tại

Nội dung của các phần đánh giá điểm thường xuyên chưa được cập nhật nhiều, đặc biệt là các câu hỏi và bài tập gần gũi với thực tiễn, giúp tiếp cận ngay các vấn đề kỹ thuật chưa đưa được nhiều trong bài tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong giai đoạn 2015-2016, Khoa Điện Tử, bộ môn Đo lường – Điều khiển đẩy mạnh đưa các vấn đề thực tiễn vào trong các câu hỏi ôn tập, kiểm tra, các bài tập gắn với bài toán kỹ thuật, các đại lượng tính toán trong bài tập đều phải là những đại lượng quá trình cụ thể.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Kết luận

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức. Các học phần được sắp xếp đảm bảo tính logic, cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức phù hợp với tổng thể chương trình đào tạo. Đảm bảo tính tính mềm dẻo trong quá trình đào tạo, hợp lý giữa các trình độ và phương thức đào tạo.

Tiêu chuẩn 3: Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm. Người học luôn được định hướng, tư vấn, hướng dẫn về phương pháp học tập thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Đồng thời, người học có nhiều cơ hội học tập và phát huy tối đa các khả năng của bản thân.

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm

Từ khóa: Áp dụng, phương pháp, người học làm trung tâm

1. Mô tả

Phương pháp giảng dạy là một trong những yêu cầu quan trọng đối với giảng viên, ngoài kỹ năng sư phạm, phương pháp trình bày thu hút sự chú ý của người học, giảng viên cần đem đến cho người học nội dung cốt lõi, những vấn đề cần tập trung thảo luận, tự đọc [H3.03.01.03]. Phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm đã được nhà trường phổ biến, chỉ đạo; các khoa, bộ môn đã xây dựng chiến lược giảng dạy và học tập cho riêng mình [H3.03.01.02]. Nhà trường đã tập trung nguồn lực trang bị cho toàn bộ các phòng học những trang thiết bị thiết yếu phục vụ cho công tác giảng day – học tập.

Nhà trường đã quán triệt đến tất cả các giảng viên trong đó đặc biệt quan tâm đến đội ngũ giảng viên trẻ dưới 10 năm công tác phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu giảng dạy gồm: đề cương, bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo, câu hỏi hoặc gợi ý thảo luận của môn học [H3.03.01.06]. Đối với từng môn học, các bộ môn chú trọng tới công tác xây dựng đề cương với sự thống nhất của các giảng viên cùng dạy môn học. Dựa trên hướng dẫn tập huấn của Nhà trường về việc xây dựng đề cương, trưởng bộ môn kết hợp với các giảng viên có thâm niên giảng dạy và giáo viên giảng dạy môn học đã đưa ra đề cương chi tiết, phân định rõ thứ tự nội dung, thời lượng cũng như tài liệu tham khảo môn học [H3.03.01.01]. Đề cương chi tiết được phổ biến, giới thiệu đến người học trong buổi học đầu tiên của môn học, được đính kèm theo các giáo trình nội bộ của môn học cung cấp cho người học.

Nhận thức sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, các giờ thảo luận có giảng viên hướng dẫn đã được đưa vào thời khóa biểu của môn học [H3.03.01.05]. Áp dụng bằng nhiều hình thức khác nhau, giảng viên nêu câu hỏi gợi mở, đưa nội dung bài tập áp dụng, tăng cường trao đổi hai chiều giữa sinh viên với giảng viên; thuyết trình nội dung thảo luận theo các chủ đề đã được giao cho các nhóm thảo luận…thực hiện kiểm tra định kỳ môn học. Nhà trường cũng xây dựng hệ thống E-Learning tương tác giữa giáo viên với người học của lớp giảng dạy thông qua mạng máy tính, đồng thời cũng triển khai đánh giá việc sử dụng hệ thống E-Learning.

Để nâng cao chất lượng công tác dạy và học tập, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đã thực hiện quy trình lấy ý kiến người học đối với giảng viên giảng dạy, mỗi giảng viên được lấy ý kiến ít nhất một lần trong năm học. Kết quả tổng hợp đánh giá từ người học, những nhận xét chủ quan điển hình của người học đã được

Phòng KT&ĐBCLGD thông báo trực tiếp tới từng giảng viên [H3.03.01.07]. Bên cạnh đó, từng bộ môn triển khai công việc dự giờ trực tiếp cho từng giảng viên, phòng làm việc của bộ môn có trang bị bảng để giáo viên có thể giảng thử trước bộ môn những vấn đề về chuyên môn, hoặc phương pháp thuyết giảng một nội dung cần được thay đổi, rút kinh nghiệm.

Năm 2014, Nhà trường thực hiện việc phân loại đánh giá giảng viên theo các tiêu chí cụ thể về trình độ tiếng Anh, tin học IC3 [H3.03.01.04]

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức đánh giá việc soạn bài giảng của từng giáo viên; tăng cường việc biên soạn giáo trình, bài giảng môn học phục vụ giảng dạy và học tập của người học, đảm bảo mỗi môn học phải có ít nhất một giáo trình hoặc tài liệu tham khảo cung cấp cho người học; tăng cường việc đánh giá thường xuyên trên lớp, mỗi tín chỉ phải có ít nhất 2 điểm của 2 bài kiểm tra 15 phút và 1 điểm chấm bài tập về nhà.

3. Những tồn tại

Công việc xây dựng đề cương, chương trình môn học còn nặng tính kế thừa, chưa có những đột phá, đổi mới, chưa mạnh dạn thay đổi về nội dung hoặc những yêu cầu cấp thiết của ngành đào tạo. Việc nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo còn chưa lôi cuốn người học tham gia. Việc hướng dẫn thảo luận, đánh giá thường xuyên kết quả học tập còn chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2015-2016, thực hiện Quyết định ban hành hành động của Nghành giáo dục, triển khai Chương trình hành động của Chính phủ, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về việc đổi mới căn bản, toàn diện, giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế của Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo (Theo QĐ số: 2653/QĐ-BG ĐT). Nhà trường đã chỉ đạo mạnh dạn thay đổi đề cương, chương trình đào tạo, cập nhật từng bước các nội dung bài giảng, bài tập từ các tài liệu nước ngoài, đặc biệt khuyến khích xây dựng bài giảng từ các tại liệu tiếng Anh của các Trường đại học tiên tiến trên thế giới. Thay đổi kế hoạch giảng dạy và học tập theo hướng tăng cường sự tự chủ của người học, tăng thời gian tự học tự ngiên cứu; tăng cường việc kiểm tra đánh giá thường xuyên đối với người học. Cùng với việc yêu cầu mỗi giáo

viên phải có 5 tài liệu phục vụ giảng day, có lịch tiếp sinh viên trực tiếp tại văn phòng, Nhà trường còn triển khai việc đánh giá xếp loại giảng viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4

Tiêu chí 3.2: Người học được tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập

Từ khóa: Tư vấn, hướng dẫn, chiến lược học tập

1. Mô tả

Để giúp sinh viên tránh được sự hụt hẫng, lo lắng, phát huy tính tự chủ trong học tập và bố trí thời gian học tập có hiệu quả v.v sinh viên được tư vấn, hướng dẫn ngay từ khi mới nhập học vào trường và thông qua bộ phận tư vấn, sổ tay giảng viên, cố vấn học tập. Cuốn sổ tay sinh viên gồm các phần: giới thiệu chung về Trường ĐH KTCN; các quy chế và quy định trong công tác học sinh – sinh viên; giới thiệu về quy chế đào tạo, các ngành đào tạo, tổ chức đào tạo, học vượt, học song song hai chuyên ngành, kiểm tra và thi học phần, xét công nhận tốt nghiệp, xử lý vi phạm và điều khoản thi hành; thiết kế chương trình đào tạo bậc đại học theo học chế tín chỉ với kế hoạch học tập, thí nghiệm, thực tập cho từng ngành học, chương trình cũng thể hiện chi tiết từng môn học, mỗi môn học có số lượng tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ nào, năm thứ bao nhiêu, nguyên tắc học phần học trước, học phần song hành v.v được thể hiện trong các đề cương môn học; Bên cạnh đó cuốn sổ tay còn có định dạng những mẫu đơn tiêu chuẩn giúp người học thuận tiện cho việc giao tiếp với các bộ phận chức năng trong nhà trường khi cần. Cuốn sổ tay cũng là công cụ cần thiết cho hệ thống cố vấn học tập làm tốt chức năng của mình trong việc giúp đỡ cho người học [H3.03.02.01] [H3.03.02.04].

Trong năm học 2014-2015, Nhà trường đã phát động trong toàn thể các bộ môn, đội ngũ giảng viên: mỗi thầy cô có có một sản phẩm khoa học ngành Kỹ thuật điều khiển đã tích cực tham gia và bước đầu đã có những sản phẩm thiết thực tham gia triển lãm ngày hội Open day 2014. Ban CN Khoa đã tổ chức họp thảo luận: làm thế nào để giúp sinh viên thích ứng với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ, làm thế nào để sinh viên vừa phát huy học tập lý thuyết, vừa tham gia NCKH [H3.03.03.03]. [H3.03.03.02] [H3.03.03.05]

Để nâng cao hiệu quả chiến lược học tập, BCN Khoa cử một Phó chủ nhiệm khoa phụ trách quản lý học sinh sinh viên, một trợ lý quản lý sinh viên cùng các giáo viên chủ nhiệm các lớp theo khóa học đồng thời kiêm công tác cố vấn học tập. Hàng

tháng các giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập đã chấp hành công tác sinh hoạt lớp theo định kỳ một tháng một lần. Tuy nhiên, việc tư vấn học tập cho sinh viên vẫn chưa đạt được hiệu quả mong muốn [H3.03.02.06].

2. Những điểm mạnh

Sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển bước đầu được tư vấn, hướng dẫn về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, được sự trợ giúp của đội ngũ giảng viên trẻ có nhiệt huyết say mê nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại

Vai trò cố vấn học tập chưa thực sự phát huy hiệu quả. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2015-2016 khoa Điện tử có kế hoạch cụ thể phát huy vai trò của cố vấn học tập và có kế hoạch giúp sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo tạo ra các cơ hội học tập và giao lưu giúp người học có thể tham gia, phát huy tối đa các khả năng của bản thân

Từ khóa: Cơ hội, học tập, giao lưu, tham gia, phát huy, khả năng

1. Mô tả

Chương trình đào tạo của chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển quy định rõ các môn học lý thuyết, thực hành, thực tập; mỗi môn học cũng quy định rõ số tiết lý thuyết, thảo luận, số tiết tự học, tự nghiên cứu; các phần thí nghiệm – thực hành, thời lượng thực tập tại xưởng và cơ sở sản xuất bên ngoài trường thực hiện trong các học kỳ cũng được định rõ trong các đề cương thí nghiệm cho từng ngành học với số tín chỉ quy định. Kết quả đã tạo ra cho sinh viên tính chủ động, sắp xếp thời gian tự học, tự nghiên cứu, thực hành, thực tập và tham gia các hoạt động tập thể trong Nhà trường [H3.03.03.01], [H3.03.03.02].

Để sinh viên có thêm các kiến thức thực tế, trong chương trình đào tạo đã xây dựng nội dung thực tập - thực tế tại các nhà máy, doanh nghiệp bên ngoài, từ đó góp phần nâng cao được nhận thức của người học, tạo điều kiện thúc đẩy ham muốn học tập và đề ra chiến lược học tập phù hợp cho riêng mình [H3.03.03.04], [H3.03.03.09]

Chương trình đào tạo cũng được xây dựng mở, có sự liên kết chặt chẽ giữa các môn học, thể hiện mối liên hệ tương hỗ giữa các học phần, cũng định rõ môn học bắt buộc, môn học tự chọn, điều đó đã giúp sinh viên dễ dàng lên kế hoạch học tập toàn khóa và lựa chọn môn học cho từng học kỳ, học vượt, học 2 chuyên ngành song song. Tóm lại sinh viên có được cái nhìn tổng quát về khung chương trình đào tạo mà mình đang theo học, đảm bảo tốt qui trình học tập theo hệ tín chỉ, trong đó người học được toàn quyền quyết định môn học, thời gian học và thời điểm kết thúc chương trình học, tốt nghiệp ra trường [H3.03.01.01].

Trong những năm từ 2008 đến 2015, Khoa Điện Tử cùng Nhà trường đã tổ chức các buổi tiếp xúc giữa nhà trường, sinh viên với nhà tuyển dụng, xin ý kiến tham góp của các cựu sinh viên làm việc trong các nhà máy, cơ sở sản xuất về chương trình đào tạo, xu thế phát triển của ngành học. Qua đó xây dựng được chương trình đào tạo phù hợp nhất cho người học cũng như đáp ứng nhu cầu của xã hội [H3.03.03.05].

Nhà trường tiến hành điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, đưa hệ thống học tập E-Learning vào hoạt động [H3.03.03.06], mở phòng máy tính cho sinh viên sử dụng miễn phí [H3.03.03.09], kiểm tra thực trạng việc chuẩn bị giáo trình, giáo án, sách giao bài tập của giảng viên [H3.03.03.07] và khảo sát về mức độ đáp ứng của người học với khối lượng bài tập về nhà, mỗi thầy cô phải có lịch tiếp sinh viên tại phòng làm việc trong kế hoạch tuần [H3.03.03.08].

Khoa Điện Tử cũng đã tổ chức lấy ý kiến tham góp của giảng viên về tình hình học tập, thảo luận trên lớp, đánh giá về hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học, về công tác thực hành – thực tập. Sau mỗi kỳ học đều có tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất những ý kiến thiết thực cho Nhà trường trong việc thay đổi chương trình, phương pháp đào tạo, cách đánh giá tạo cơ hội học tập chủ động và phát huy tối đa khả năng của bản thân người học [H3.03.03.07].

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo ngành kỹ thuật điều khiển đã tạo ra cho sinh viên cơ hội học tập, chủ động nắm bắt kiến thức, phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu, chủ động giao lưu nắm bắt cơ hội và phát huy năng lực sáng tạo của người học.

3. Những tồn tại

Chương trình đào tạo còn chưa thực sự phối hợp kịp thời giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành – thí nghiệm, hệ thống thí nghiệm của ngành học còn chưa được khai thác với hiệu quả cao nhất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2015-2016, Phòng thực hành – thí nghiệm được trang bị, bổ sung thêm nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với thực tế phát triển và yêu cầu của sản xuất bên ngoài. Hệ thống nhà xưởng thực tập cũng được xây dựng mới, được bổ sung trang thiết bị đáp ứng nhu cầu thiết yếu của công tác thực tập cho sinh viên. Quá trình giảng dạy các giảng viên đã chủ động lồng ghép nội dung lý thuyết gắn với những ứng dụng thực tế giúp người học có nhận thức tích cực hơn về môn học và từ đó chủ động phát huy các khả năng của bản thân trong việc tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề đặt ra.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Kết luận

Chương trình đào tạo áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp với các đối tượng người học với phương châm lấy người học làm trung tâm. Người học thường xuyên được tư vấn, định hướng về phương pháp học tập thông qua đội ngũ cố vấn học tập và các kênh thông tin khác. Chương trình phần nào đã tạo ra nhiều cơ hội học tập, giúp người học thể hiện khả năng bản thân trong quá trình học tập tại Nhà trường và Khoa.

Tiêu chuẩn 4: Kiểm tra đánh giá

Mở đầu

Công tác kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa với nhiều hình thức khác nhau đảm bảo tính khách quan, nghiêm túc, công bằng phù hợp với từng loại hình đào tạo và bậc đào tạo. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố công khai, rộng rãi tới người học thông qua nhiều kênh và hình thức khác nhau. Đồng thời, kết quả đánh giá được quy định cụ thể qua hệ thống văn bản của Nhà trường, đảm bảo chính xác và tin cậy.

Tiêu chí 4.1. Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo

Từ khóa: Áp dụng, hình thức đánh giá, đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng, phù hợp với hình thức đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường đã có quy định chung về thực hiện quy trình tổ chức đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Căn cứ quy định này, quy trình đánh giá bao gồm điểm kiểm tra và điểm đánh giá thi kết thúc học phần. Theo quy trình này, điểm kiểm tra được quy định là 50% trong tổng số điểm đánh giá của học phần. Điểm kiểm tra là trung bình các điểm kiểm tra trên lớn và điểm bài tập giao về nhà, điểm thí nghiệm thực hành. Quy định 2 bài kiểm tra ngắn và 60 bài tập về nhà cho 01 tín chỉ [H4.04.01.01], [H4.04.01.05]

Cách thức đánh giá thi kết thúc học phần thuộc các học phần của chương trình cũng được đa dạng hóa. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần mà mỗi học phần được tổ chức thi theo hình thức tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan thực hiện trên giấy hoặc thực hiện trên máy tính nên việc đánh giá đã phản ánh được khách quan năng lực thực tế của người học [H4.04.01.03], [H4.04.01.04].

Công tác chấm thi đối với học phần thi viết được thực hiện tập trung tại phòng chấm thi của Khoa Điện Tử. Trưởng bộ môn phân công giảng viên chấm bài kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần. Tất cả các bài thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, có 02 giáo viên chấm và ký trên bảng điểm và có xác nhận của trưởng bộ môn [H4.04.01.03], [H4.04.01.03].

Trong quá trình học, sinh viên đến trung tâm thí nghiệm để làm quen với các thiết bị thực tế, thực hiện các bài thí nghiệm cơ sở và chuyên môn nghiệm lại tính đúng đắn của các học phần lý thuyết (Cơ sở lý thuyết mạch điện 1, 2, máy điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật đo lường 1, Hệ thống điều khiển lập trình, điều khiển các quá trình công nghệ). Sinh viên đến trung tâm thực nghiệm để thực tập cơ sở khối ngành Cơ - điện - điện tử và thực tập kỹ thuật nhóm ngành điện trong thời gian khoảng 8 tuần vào năm thứ 3, 4. Sinh viên thực tập tốt nghiệp tại các nhà máy, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên trong thời gian là 12 tuần vào năm thứ 5. Trong quá trình thí nghiệm, thực hành, thực tập sinh viên phải viết báo cáo để đánh giá mức độ tích lũy của sinh viên về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, việc đánh giá mức độ tích lũy về năng lực thực hành và năng lực giải quyết vấn đề chưa được tiến hành ở một số môn học thuộc chương trình đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá của nhà trường được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc đảm bảo tính khoa học, chính xác và công bằng. Kết cấu của đề thi phù hợp, bao quát được nội dung của môn học.

3. Những tồn tại

Một số ngân hàng câu hỏi và đề thi chưa có đáp án chi tiết đến 0,25đ, nhất là đối với các đề thi cho các môn học vừa điều chỉnh, bổ xung.

Một số môn học chưa đánh giá được mức độ tích lũy về năng lực thực hành của người học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiến hành rà soát, chỉnh sửa các đáp án chi tiết chưa theo đúng yêu cầu của quy định. Liên tục bổ xung cập nhật ngân hàng câu hỏi thi và đáp án chi tiết các học phần.

6. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố rộng rãi đến người học

Từ khóa: tiêu chí đánh giá, kết quả học tập, công bố rộng rãi

1. Mô tả

Sinh viên được thông báo về kế hoạch và chương trình đào tạo ngay từ khi nhập học, trong tuần lễ chính trị đầu khóa, trong buổi gặp mặt BCN Khoa. Danh sách các môn học, kế hoạch đào tạo, khung chương trình, cách tính điểm trung bình, cách quy đổi điểm chữ, điểm số theo thang điểm 4 của đào tạo tín chỉ được trình bày đầy đủ trong Niên giám trường đại học và sổ tay sinh viên được phát cho sinh viên từ năm thứ nhất [H4.04.02.01], [H4.04.02.02].

Các môn học được tính điểm trung bình có trọng số với các thành phần: điểm thảo luận, bài tập, điểm bài tập lớn, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ. Trong buổi học đầu tiên của môn học, giảng viên thông báo đầy đủ các tiêu chí đánh giá về các thành phần điểm thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ và các phương pháp đánh giá cụ thể (thi viết, trắc nghiệm trên giấy, trắc nghiệm khách quan trên máy tính, vấn đáp). Toàn bộ đề cương môn học, lịch trình học tập chi tiết được thông báo cụ thể tới sinh viên trong buổi học này. Tuy nhiên, đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhu cầu tiếp cận các thông tin về môn học, giảng viên, yêu cầu kiểm tra đánh giá của môn học đó đối với sinh viên trước thời điểm đăng ký học là rất cấp thiết, website của trường công bố đề cương chi tiết bao gồm cả hình thức, phương pháp, tiêu

chí đánh giá, thành phần điểm đánh giá kết quả người học của từng học phần trong chương trình đào tạo chưa thực sự đáp ứng được [H4.04.02.03].

Đối với các sinh viên năm thứ 2, thứ 3, thứ 4 điều kiện để được xét phân ngành, thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp là phải tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu. Sinh viên có thể nắm bắt thông tin này qua sổ tay sinh viên, niên giám hoặc qua thông tin trực tuyến trên website của trường và Khoa Điện Tử để xem xét đăng ký ngành học, đăng ký thực tập tốt nghiệp [H4.04.02.04].

Để được xét tốt nghiệp, sinh viên cũng phải tích lũy đủ số tín chỉ, chấm đủ điểm rèn luyện các kỳ như trong quy định đã có trong sổ tay người học. Quy định về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển được đôn đốc nhắc nhở sinh viên hàng kỳ, hàng năm tại các buổi tổng kết, các buổi sinh hoạt lớp[H4.04.02.01].

2. Những điểm mạnh

Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông tin đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau: website, sổ tay sinh viên, niên giám, thông tin trực tiếp từ giảng viên môn học, giảng viên chủ nhiệm, cán bộ văn phòng khoa, ban chủ nhiệm khoa. Không có hiện tượng tiêu cực, gian lận trong công tác thi.

3. Những tồn tại

Việc đánh giá sinh viên thông qua các bài kiểm tra về nhà đôi khi thực sự chưa công bằng và hiệu quả, với số lượng bài tập về nhà lớn (60 bài tập/tín chỉ) nhiều sinh viên thực sự thấy quá tải và do đó hiện tượng chép bài, không tự làm vẫn xảy ra. Tinh thần tự giác làm các bài kiểm tra trên lớp cũng như về nhà của sinh viên còn kém.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần triển khai các hoạt động nhằm nâng cao ý thức tự giác, coi việc học là việc của bản thân mỗi sinh viên, đẩy mạnh các hoạt động làm sao cho việc học tập thực sự hiệu quả. Giáo dục ý thức tự học, tự làm bài trên quan điểm tích cực. Cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm cần nâng cao vai trò hơn nữa trong vấn đề giúp sinh viên tìm ra chiến lược học tập phù hợp để đạt kết quả cao.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 4.3: Các quy định và thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá được công bố công khai tới người học

Từ khóa: quy định, thủ tục khiếu nại, kết quả đánh giá, công bố công khai.

1. Mô tả

Hoạt động khiếu nại kết quả đánh giá người học được thể hiện qua công tác phúc khảo bài thi kết thúc học phần của Nhà trường. Công tác Phúc khảo được thực hiện theo điều 11 trong quy định về công tác thi hệ chính quy [H4.04.03.01]. Trong đó quy định về công tác phúc khảo bài thi kết thúc học phần như sau: Điểm kiểm tra thường xuyên: sinh viên kiến nghị trực tiếp với giảng dạy ngay sau khi điểm được công bố trên lớp. Điểm thi kết thúc học phần: nếu thấy kết quả chấm thi không thoả mãn, sinh viên nộp đơn và lệ phí chấm phúc khảo học phần cho khoa chậm nhất là 03 ngày sau ngày công bố điểm, không nhận đơn quá thời gian quy định trên. Khoa kiểm tra và trả lời kiến nghị về điểm cho sinh viên chậm nhất là 03 ngày sau, thông báo bộ môn tổ chức chấm phúc khảo để trả lời kết quả cho sinh viên.

Sau khi có kết quả chấm phúc khảo bài thi, điểm phúc khảo tổng hợp tại văn phòng khoa và gửi về Phòng Đào tạo, Bộ môn, thông báo tới từng sinh viên phúc khảo qua website Khoa Điện Tử hoặc xem trực tiếp tại văn phòng Khoa Điện Tử [H4.04.03.02].

Đối với trường hợp nhập nhầm điểm kiểm tra thành phần sinh viên làm đơn khiếu nại trực tiếp với giảng viên giảng dạy học phần, các giảng viên trong bộ môn tập hợp tất cả đơn, sau đó làm đề nghị chuyển khoa và phòng Đào tạo sửa điểm cho sinh viên. Kết quả điểm tổng hợp của sinh viên sau khi sửa lại được cập nhật lại hệ thống Edusoft của trường, phiếu điểm lưu tại văn phòng Khoa Điện Tử, văn phòng bộ môn và phòng Đào tạo [H4.04.03.02].

Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên đảm bảo công khai, chính xác. Tuy nhiên Nhà trường chưa có quy định về công tác phúc khảo điểm báo cáo thực tập, đồ án tốt nghiệp.

2. Những điểm mạnh

Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên hệ đại học chính quy đảm bảo công khai, chính xác.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa có quy định về công tác phúc khảo điểm báo cáo thực tập, đồ án tốt nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2015 - 2016, Nhà trường ban hành bổ sung quy định về công tác phúc khảo điểm báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá đạt mức: Tiêu chí đạt mức 4

Tiêu chí 4.4: Độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá được định kỳ thẩm định

Từ khóa: độ tin cậy, tính giá trị, phương pháp kiểm tra, định kỳ thẩm định.

1. Mô tả

Theo quy định về công tác thi hệ chính quy, các bộ môn của Khoa Điện Tử đã tiến hành xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần của các học phần. Trong các học kỳ cũng liên tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng câu hỏi, tổ chức đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học thuộc chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển [H4.04.04.01],[H4.04.04.02]

Việc kiểm tra đánh giá trên cơ sở Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Đại học Thái Nguyên. Quy trình đánh giá được tiến hành trên cơ sở chủ trương của Trường, Ban chủ nhiệm Khoa Điện Tử triển khai đôn đốc các Bộ môn tiến hành bổ sung ngân hàng câu hỏi thường xuyên, tổ chức đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các học phần[H4.04.04.03]. Quá trình đánh giá tại các Bộ môn có sự tham gia của tất cả giảng viên tham gia giảng dạy học phần, các câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi được đánh giá theo mức độ khó, dễ, câu hỏi hiểu, nhớ... Qua hoạt động đánh giá đã giúp cho quá trình xây dựng bài giảng, bộ ngân hàng câu hỏi thi tốt hơn, sát với chương trình hơn đồng thời giúp cho việc xây dựng câu hỏi thi của từng môn học có sự phân loại chất lượng sinh viên. Tuy nhiên, tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được đánh giá nguyên nhân là do thời gian đầu tư cho hoạt động này chưa tương xứng và đội ngũ giảng viên chưa được trang bị đầy đủ về phương pháp để đo lường tính giá trị.

2. Những điểm mạnh

Khoa Điện Tử đã triển khai nghiêm túc và đúng tiến độ hoạt động đánh giá ngân hàng câu hỏi, liên tục cập nhật ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các học phần

3. Những tồn tại

Tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện và các hoạt động chưa được tiến hành theo định kỳ thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2015 - 2016, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch và trang bị cho đội ngũ cán bộ giảng viên về phương pháp kiểm tra đánh giá đối với mỗi học phần thuộc chương trình đào tạo. Định kỳ tiến hành đánh giá ngân hàng câu hỏi, xây dựng bảng trọng số cho đề thi và hoạt động đánh giá năng lực của sinh viên tốt nghiệp.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 2

Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý tin cậy

Từ khóa: kết quả học tập, công bố, kịp thời, chính xác, lưu trữ, pháp lý.

1. Mô tả

Thực hiện Quy định về công tác thi tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp kèm theo quyết định số 50 và quản lý kết quả học tập của sinh viên đại học hệ chính quy, Nhà trường có quy định giảng viên phải công bố trên hệ thống Elearning các điểm thành phần theo quy định, mỗi tín chỉ có 2 điểm bài kiểm tra và 1 điểm bài tập; điểm thi kết thúc học phần phải hoàn thành trong vòng 07 ngày sau khi thi kết thúc học phần; điểm thi vấn đáp chậm nhất là vào cuối buổi thi. Chậm nhất 1 tuần sau khi thi kết thúc học phần bộ môn và khoa phải tổng hợp điểm của học phần và chuyển vào phần mềm quản lý kết quả học tập của trường Edusoft [H4.04.05.01], [H4.04.05.02].

Kết quả học tập của mỗi kỳ của sinh viên được phòng Đào tạo và khoa thông báo cụ thể đến từng lớp bằng bảng điểm thông qua giáo viên chủ nhiệm hoặc gửi thư về cho gia đình sinh viên [H4.04.05.03]. Mặt khác, văn phòng khoa và phòng Đào tạo công khai điểm kiểm tra, thi kết thúc học phần, điểm tổng hợp của học phần trên website và lưu trữ dưới dạng bản in tại văn phòng khoa, bộ môn, phòng Đào tạo, túi bài thi để thuận tiện cho sinh viên trong việc xem và đối chiếu điểm [H4.04.05.04].

Kết quả học tập được lưu trữ trên máy tính chủ, các ổ cứng một cách an toàn, cho phép lưu trữ trong nhiều năm. Phần mềm Edusoft không bị giới hạn về thời gian sử dụng (ví dụ với số lượng 10000 sinh viên có thể lưu trữ vào ổ đĩa cứng dung lượng 200GB trong thời gian là 30 năm). Hệ thống quản lý kết quả học tập của trường là chính xác và đáng tin cậy. Phần mềm được sử dụng để quản lý là Edusoft đã trải nghiệm tốt qua 15 năm vận hành với hơn 50 đơn vị sử dụng mà hầu hết là các trường Đại học và Cao đẳng lớn trên cả nước. Edusoft sử dụng bảo mật mức vật lý theo file của tiêu chuẩn bảo mật hệ điều hành sử dụng (Windows Server, Netware, Unix …).

Mọi user không được khai thác file dữ liệu vượt quá sự cho phép (trong mọi điều kiện) của người quản trị hệ điều hành. Edusoft còn có bảo mật mức logic. Mọi user không được sử dụng vượt quá các chức năng cho phép (trong giao diện chương trình) được phân công bởi người quản trị hệ thống. Mạng được và có hệ thống chống vi rút thường xuyên, đảm bảo tính chính xác và tin cậy. Mỗi sinh viên có một tài khoản riêng để truy cập [H4.04.05.05].

Trong quá trình nhập điểm còn có một số sai sót nhỏ khi vào điểm thành phần và chuyển từ excel sang hệ thống quản lý điểm Edusoft do thao tác không chính xác của giảng viên khi nhập điểm hoặc của cán bộ khi ghép điểm vào phần mềm. Tuy nhiên, đã có sự chỉnh sửa kịp thời và Nhà trường cũng có sự đối chiếu kết quả học tập giữa các bộ phận phụ trách liên quan trước khi xét tốt nghiệp cuối khoá cho sinh viên, đảm bảo tính chính xác trong kết quả bảng điểm và xếp loại tốt nghiệp cuối cùng [H4.04.05.06].

Việc công bố điểm thi đôi khi còn chậm kế hoạch do đặc thù của bộ môn chuyên ngành có nhiều giảng viên kiêm nhiệm hoặc 1 giảng viên giảng dạy nhiều lớp học phần trong một học kỳ nên việc bố trí thời gian còn chưa hợp lý. Nhà trường chưa lập được hệ thống tra cứu điểm thi bằng tin nhắn để sinh viên dễ dàng, thuận tiện hơn trong việc theo dõi điểm.

2. Những điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được quản lý song song bằng cả hai hệ thống là lưu bảng điểm giấy có đầy đủ chữ ký xác nhận và lưu trên phần mềm Edusoft chuyên dụng quản lý kết quả học tập đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

3. Những tồn tại

Chưa lập được hệ thống tra cứu điểm thi bằng tin nhắn do nhà trường còn thiếu nguồn lực để thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2015-2016 Nhà trường lập kế hoạch, bố trí nguồn lực để tạo lập hệ thống tra cứu điểm thi bằng tin nhắn cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Kết luận

Hoạt động kiểm tra đánh giá được thực hiện thường xuyên với phương pháp đánh giá được quy định cụ thể trong các văn bản của Nhà trường đảm bảo độ tin cậy và tính giá trị. Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố rộng rãi, công khai đảm bảo tính khách quan, công bằng, minh bạch và thông báo tới người học. Kết quả học tập của người học được quản lý an toàn, khoa học, chính xác, thuận tiện trong quá trình tổng hợp và thuận tiện trong việc đánh giá kết quả cuối năm.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên có vai trò vô cùng quan trọng trong mọi chương trình đào tạo. Để xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và tư cách nhà giáo Ban Chủ nhiệm Khoa Điện Tử thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng giảng viên cần bổ sung cho từng năm (thay thế giảng viên nghỉ hưu hoặc chuyển công tác). Trên cơ sở đó đề nghị nhà trường tuyển đủ số lượng và đảm bảo tiêu chuẩn giảng viên, từ nhiều nguồn khác nhau và tạo điều kiện cho họ được học tập, làm việc theo đúng chuyên môn được đào tạo.

Tiêu chí 5.1: Cơ cấu đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo

Từ khóa: cơ cấu đội ngũ, đáp ứng, số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

1. Mô tả

Tính đến tháng 12 năm 2015 đội ngũ cán bộ giảng viên thực hiện các hoạt động đào tạo của chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển có 11 cán bộ cơ hữu trong đó có 09 nam, 3 nữ, với độ tuổi dưới 40 tuổi là 9 người. Tất cả cán bộ, giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo của Nhà trường đều có trình độ từ Đại học trở lên: có 01 giảng viên có trình độ Phó Giáo Sư, 1 Tiến sĩ, các giảng viên đều đảm bảo trình độ chuẩn theo điều 24 điều lệ trường đại học về 5 tiêu chuẩn của giảng viên đại học [H5.05.05.01] .

Cơ cấu giảng viên thực hiện chương trình đào tạo được phân bổ hợp lý, đủ số lượng để giảng dạy các môn học thuộc chương trình. Giảng viên được giao nhiệm vụ căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn theo quy trình công khai dân chủ, đảm bảo có khả năng hoàn thành tốt công việc được giao. Nhà trường có các chính sách và biện pháp ưu tiên nhằm khuyến khích và tạo điều

kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước thông qua việc xây dựng và thực hiện Đề án đào tạo cán bộ, giảng viên, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ đối với giảng viên. Cụ thể:

Đối với giảng viên học cao học [H5.05.01.02]: Nhà trường hỗ trợ về thời gian: Giảm trừ khối lượng công tác chuyên môn kỳ học ôn và dự thi cao học; giảm trừ 30% ĐMGTC cho học viên cao học. Hỗ trợ tiền học phí cao học, hỗ trợ làm luận án cao học. Ưu tiên chủ trì đề tài NCKH và tham gia các hoạt động khoa học khác. Giảng viên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ được xếp vào bậc lương 2,67 kể từ ngày ký quyết định công nhận thạc sĩ.

Đối với nghiên cứu sinh: Nhà trường hỗ trợ về thời gian: Giảm trừ khối lượng công tác chuyên môn kỳ học ôn và dự thi nghiên cứu sinh; giảm trừ 70% ĐMGTC cho nghiên cứu sinh, hỗ trợ tiền học phí NCS, hỗ trợ làm luận án NCS, Ưu tiên chủ trì đề tài NCKH và tham gia các hoạt động khoa học khác, Giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ đúng thời hạn sẽ được thưởng 30.000.000 đồng, Giảng viên được tuyển dụng làm giảng viên hợp đồng của Nhà trường mà chưa là Tiến sĩ thì khi tốt nghiệp Tiến sĩ được xếp lại lương vào bậc 3 kể từ ngày ký quyết định công nhận Tiến sĩ.[H5.05.01.02]

Hiện nay, số giảng viên thực hiện chương trình đào tạo đang đi học nâng cao trình độ khá nhiều cụ thể là: Số giảng viên đang nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 02 giảng viên, đang đi học cao học trong và ngoài nước là 01 giảng viên, nhưng trên 75,7% tổng số giảng viên có trình độ trên đại học nên đã đáp ứng đủ yêu cầu chuyên môn, có đủ năng lực NCKH, có kiến thức về tin học và ngoại ngữ để phục vụ cho hoạt động giảng dạy và quản lý.[H5.05.01.03]

Giảng viên được giao nhiệm vụ căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn theo quy trình công khai dân chủ, đảm bảo có khả năng hoàn thành tốt công việc được giao. Cơ cấu tổ chức của Chương trình đào tạo lấy cán bộ, giảng viên của Khoa Điện Tử nòng cốt, các bộ phận khác và giảng viên thỉnh giảng cùng tham gia vào quá trình đào tạo. Chương trình đào tạo với nội dung và cơ cấu phù hợp với mô hình quản lý chuyên môn của trường và phù hợp với tình hình thực tế. Trong những năm qua, giảng viên của Chương trình vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, vừa tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

[H5.05.01.04, H5.05.01.05], Năm 2014, 2015 Nhà trường thực hiện việc phân loại đánh giá giảng viên theo các tiêu chí cụ thể về trình độ tiếng Anh, tin học IC3, [H5.05.01.06]

2. Những điểm mạnh:

Số lượng đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo; được đào tạo chính quy ở các trường trong nước và nước ngoài. Cơ cấu tổ chức của chương trình đã huy động tối đa năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý và giảng viên trong Trường và trong Đại học Thái Nguyên; trong đó có nhiều giảng viên trẻ, nhiệt tình, có ý chí vượt khó và say mê nghiên cứu khoa học và một số giảng viên có chức danh và học vị cao, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học đã thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học.

3. Những tồn tại:

Giảng viên có trình độ Tiến sĩ chiếm tỉ lệ chưa cao (20%). Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều giảng viên có trình độ Đại học (chiếm 18,5%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng đảm bảo sự kế cận liên tục về tuổi đời và kinh nghiệm nghề nghiệp. Xây dựng và triển khai các nội dung chuyên môn cụ thể trong từng năm học theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Năm học 2015-2016, Khoa Điện Tử lập kế hoạch và giao chỉ tiêu cụ thể cho từng bộ môn, từng giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ ở các bậc học cao hơn.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên được định kỳ bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ

Từ khóa: Đội ngũ, định kỳ, bồi dưỡng, chuyên môn, nghiệp vụ

1. Mô tả:

Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình Kỹ thuật điều khiển được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định về việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ đối với toàn bộ giảng viên có tuổi đời dưới 35 bắt buộc phải học cao học, dưới 40 tuổi bắt buộc phải làm nghiên cứu sinh và các giảng viên đều phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu (nâng cao trình độ tiếng Anh (Văn bằng 2, TOEFL-IPT, học tiếng Anh ở Philippines v.v). [H5.05.02.01]

Các giảng viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ qua các khóa đào tạo do nhà trường và các đơn vị ngoài tổ chức như: Bồi dưỡng thiết kế bài giảng trong đào tạo theo tín chỉ và đổi mới phương pháp giảng dạy - 2011; Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy đại học - 2010; Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nữ cán bộ - 2010; Bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm – 2011; Tham gia các hội thảo trong và ngoài nước.Các giảng viên của chương trình đào tạo được cử đi học và Cao học đều sớm hoàn thành chương trình học tập. [H5.05.02.02]. Hầu hết các giảng viên đều hoàn thành nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của năm học, đáp ứng đươc nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn giảng dạy. [H5.05.02.03]

Trong các năm học, Nhà trường đã từng bước tiến hành khảo sát, đánh giá về thái độ làm việc và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ lãnh đạo và chuyên viên trong phục vụ hoạt động học tập và giảng dạy và đã nhận được những kết quả nhất định làm cơ sở cho các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn [H5.05.02.04]

2. Những điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên phần lớn có khả năng sử dụng ngoại ngữ để đọc, dịch tài liệu chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp, đạt được nhiều kết quả trong NCKH.Giảng viên của Chương trình không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đội ngũ giảng viên và chuyên viên tham gia chương trình đào tạo thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

3. Những tồn tại:

Số lượng giảng viên và chuyên viên tham gia đánh giá, khảo sát trước và sau khi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016 Nhà trường tổ chức đánh giá hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên, chuyên viên trong phục vụ giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4

Tiêu chí 5.3: Việc tuyển chọn và nâng bậc cho giảng viên dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và các thành tích khác

Từ khóa: tuyển chọn, nâng bậc, năng lực giảng dạy, nghiên cứu, các thành tích khác.

1. Mô tả:

Nhà trường có quy trình tuyển dụng được thực hiện rõ ràng, minh bạch theo đúng "Quy định về tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của trường ĐH KTCN" theo quyết định số 216/QĐ-TCCB ngày 10 tháng 03 năm 2003 và quyết định về việc ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng và đào tạo bồi dưỡng CBVC của trường ĐH KTCN số 582/QD –ĐHKTCN ngày 24/12/2013 [H5.05.03.01]. Trong quá trình thực hiện, tính đến nay quy định này đã được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và kế hoạch phát triển của nhà trường trong các năm 2012,2013,2014,2015 [H5.05.03.01].

Mỗi năm nhà trường tiến hành từ 1 đến 2 đợt tuyển dụng xuất phát từ nhu cầu thực tế của các đơn vị. Tất cả các đợt tuyển dụng đều được thông báo công khai trên Website của nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng như Báo Thái Nguyên, Truyền hình Thái Nguyên, Báo Nhân dân. Quy trình tuyển dụng của Nhà trường về sơ bộ được thực hiện theo 5 bước: Bước 1: Nhận hồ sơ của ứng viên; Bước 2: Sơ tuyển; Bước 3: Ứng viên thử việc; Bước 4: Đánh giá quá trình thử việc; Bước 5: Ký hợp đồng tuyển dụng [H5.05.03.02], [H5.05.03.01].

Quy trình bổ nhiệm trưởng phó các bộ môn của Nhà trường được thực hiện minh bạch trên cơ sở thực hiện đúng "Quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức Phó trưởng phòng, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn" để đáp ứng nhu cầu thực tế. Quy trình này được thực hiện sơ bộ thông qua 4 bước: Bước 1: Xác định nhu cầu, chủ trương và giới thiệu nhân sự bổ nhiệm; Bước 2: Tổ chức Hội nghị toàn thể CBVC trong đơn vị lấy thư giới thiệu; Bước 3: Tổ chức Hội nghị liên tịch giữa Ban lãnh đạo và Chi ủy của đơn vị có sự tham gia của cán bộ làm công tác tổ chức của Nhà trường; Bước 4: Tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy phiếu tín nhiệm; Bước 5: Tổ chức hội nghị ban Chi ủy chi bộ: đánh giá, lựa chọn và thông qua nhân sự; Bước 6: Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm cuối cùng.

Hàng năm nhà trường đều tổng kết công tác thi đua trong năm học [H5.05.03.04]. Việc xét nâng lương định kỳ cho cán bộ giảng viên đều dựa theo thời gian công tác, mức độ hoàn thành công việc và thành tích trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Với những cán bộ giảng viên lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được nâng lương trước thời hạn. [H5.05.03.03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng được tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho cán bộ, giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015-2016, Nhà trường cần tiến hành lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên. Hoạt động này nên được tiến hành hàng năm phối hợp với các cuộc điều tra về hoạt động đào tạo của nhà trường bằng cách bổ sung tiêu chí này vào bảng câu hỏi.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Việc sắp xếp bố trí nhân lực vào các vị trí phải phù hợp với năng lực quản lý, trình độ chuyên môn và công việc đảm nhận

Từ khóa: bố trí nhân lực, phù hợp, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, công việc đảm nhận.

1. Mô tả:

Năm 2003, Nhà trường ban hành "Quy định về tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của trường ĐH KTCN" trong đó nêu rõ tiêu chuẩn tuyển chọn bao gồm: Học lực, tư cách đạo đức, đối tượng ưu tiên và một số chỉ tiêu khác; quy trình tuyển chọn tạo nguồn giảng viên bao gồm các bước và các nhiệm vụ cụ thể của các ứng viên, của Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Tương tự, Quy định tuyển chọn cán bộ hợp đồng lao động hành chính, phục vụ giảng dạy cũng nêu rõ: điều kiện dự tuyển, đối tượng ưu tiên; quy trình tuyển chọn [H5.05.04.01], [H5.05.04.03].

Quy trình bổ nhiệm cán bộ được thực hiện minh bạch trên cơ sở thực hiện đúng "Quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức Phó trưởng phòng, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn" . Để đáp ứng nhu cầu thực tế, Nhà trường đã tiến hành sửa đổi bổ sung cho phù hợp, trong đó nêu rõ các điều kiện, tiêu chuẩn, các nguyên tắc để bổ nhiệm [H5.05.04.01].

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và đội ngũ cán bộ quản lý của chương trình đào tạo được tuyển dụng, bổ nhiệm căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức,

năng lực, trình độ chuyên môn, theo quy trình công khai, dân chủ đảm bảo có khả năng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao [H5.05.04.02, H5.05.05.03].

Việc bố trí sắp xếp công việc đối với lực lượng cán bộ, viên chức tại các đơn vị chức năng và các khoa chuyên môn hoàn toàn phù hợp với trình độ, năng lực, chuyên môn tạo điều kiện cho lực lượng cán bộ, viên chức phát huy năng lực cá nhân và hoàn thành nhiệm vụ được Nhà trường giao phó. Hàng năm, căn cứ theo nhiệm vụ được giao Nhà trường tiến hành hoạt động khen thưởng đối với lực lượng cán bộ viên chức của các đơn vị, đồng thời đề xuất danh sách khen thưởng cao nhằm tạo động lực cho đội ngũ cán bộ tiếp tục phấn đấu trong hoạt động chuyên môn [H5.05.05.01].

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tiến hành thường xuyên hoạt động lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức đối với việc bố trí sắp xếp nhân lực tại các đơn vị trong toàn trường.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường tạo môi trường cho đội ngũ CBVC phát huy phẩm chất cá nhân, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn.

3. Những tồn tại:

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực tại các đơn vị trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Có quy trình đánh giá cán bộ phù hợp trên tinh thần hướng đến sự cải thiện về mọi mặt của cán bộ, giảng viên

Từ khóa: quy trình đánh giá, cải thiện mọi mặt

1. Mô tả:

Nhà trường thành lập Hội đồng Thi đua Khen thưởng giúp cho công tác thi đua, khen thưởng luôn đảm bảo tính dân chủ, minh bạch và công khai. Hàng năm cán bộ, giảng viên, nhân viên thực hiện đăng kí danh hiệu thi đua trong năm học để làm căn cứ xét thi đua. Cuối năm học, căn cứ vào bộ tiêu chí đánh giá thi đua các cán bộ, giảng viên, nhân viên tự chấm điểm và đề nghị xét công nhận danh hiệu thi đua. Hội đồng thi đua khen thưởng căn cứ vào bản tự chấm điểm tiến hành xét công nhận danh hiệu thi

đua cho từng cá nhân, đơn vị. Kết quả bình xét thi đua được gửi tới các đơn vị, cá nhân và đăng tải công khai tải trên Website Nhà trường [H5.05.05.01].

Năm 2011, Nhà trường ban hành tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ cán bộ, viên chức theo thang điểm A – B – C – D. Thông qua bộ tiêu chuẩn đánh giá giúp lãnh đạo Nhà trường quản lý được hiệu quả công việc, lãnh đạo các đơn vị đánh giá được mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân và từng cán bộ viên chức, biết được mức độ đáp ứng đối với yêu cầu và từ đó có biện pháp nâng cao chất lượng công việc cũng như nhiệm vụ được giao phó [H5.05.05.01].

Năm 2012, Nhà trường ban hành quy định trong hoạt động dự giờ đối với đội ngũ giảng viên, đánh giá đồng nghiệp trong quá trình đào tạo của đơn vị. Qua đó, giảng viên biết được điểm mạnh, điểm tồn tại trong quá trình giảng dạy, đồng thời là kênh thông tin giúp cho lãnh đạo khoa chuyên môn điều chỉnh hoạt động giảng dạy của đội ngũ cán bộ trong đơn vị và có những biện pháp nhằm cải thiện chất lượng trong quá trình giáo dục và đào tạo [H5.05.05.02].

Hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, qua đó lãnh đạo Nhà trường nắm được thực trạng hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên để có chính sách phù hợp nhằm khuyến khích giảng viên nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo [H5.05.05.01].

Tháng 5 năm 2013 Nhà trường ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo quyền giám sát, kiểm tra, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục của đất nước và nhiệm vụ đào tạo của trường. [H5.05.05.03].

Tiến hành Hội nghị viên chức các cấp hàng năm để đảm bảo dân chủ, công khai trong các mặt hoạt động của đơn vị, tạo điều kiện cho CBVC tham gia đóng góp xây dựng đơn vị, xây dựng nhà trường [H5.05.05.04].

2. Những điểm mạnh:

Hàng năm đều tổ chức đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên dựa trên các tiêu chí đã xây dựng một cách công bằng, minh bạch và khách quan.

3. Những tồn tại:

Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2015 – 2016, Nhà trường ban hành hệ thống quy định thống nhất tiêu chí đánh giá trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Kết luận

Đội ngũ giảng viên, nhân viên và cán bộ thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng tốt yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến. Đội ngũ thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo. Tiêu chí tuyển dụng đội ngũ cụ thể, công khai đảm bảo tính công bằng và dân chủ, tạo môi trường cho đội ngũ cán bộ giảng viên phát huy phẩm chất cá nhân, trình độ chuyên môn và năng lực quản lý.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu

Nhà trường có nhiều chính sách thu hút người học và chiến lược quảng bá về chương trình đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học tham gia vào quá trình đào tạo. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập thông qua buổi sinh hoạt đầu khóa, niêm giám, website… Hoạt động hỗ trợ và dịch vụ tư vấn, chế độ chính sách xã hội luôn được Nhà trường quan tâm và đảm bảo đúng theo quy định tạo môi trường học tập, sinh hoạt an toàn và lành mạnh, tạo cho người học môi trường giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách.

Tiêu chí 6.1: Có chính sách hợp lý thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo – Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển

Từ khóa: chính sách, thu hút, tham gia

1. Mô tả

Người học là trung tâm của chương trình đào tạo, để tạo điều kiện cho người học hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá Nhà trường và Khoa Điện Tử đã biên tập các văn bản có liên quan đến HSSV trong tài liệu: " Các văn bản pháp quy liên quan đến HSSV"[H6.06.01.02], " Sổ tay sinh viên" [H6.06.01.03] và niên giám để phổ biến và cấp cho HSSV mỗi người một bộ để sử dụng trong suốt khoá học. Đến thời điểm hiện nay, HSSV thông qua Website của Trường và Khoa là có thể tìm hiểu và tham khảo về các quy định của nhà trường các chương trình đào tạo và hình thức đào tạo.

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin kịp thời của chương trình đào tạo, các yêu cầu về học tập như thi, kiểm tra. Trong tổng kết công tác HSSV hàng năm đều có đánh giá tổng kết các hoạt động thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người học và các giải pháp cải tiến hoạt động [H6.06.01.02]. Để quảng bá cho sinh viên biết thêm về ngành và chuyên ngành đào tạo Nhà trường kết hợp với Khoa đã tổ chức hội thảo, đưa thông tin lên websites, quảng cáo trên kênh truyền hình của địa phương và đi dự triển lãm các trường Đại học.

Để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội việc làm sau khi ra trường, trong quá trình thực tế môn học và thực tập tốt nghiệp Nhà trường và Khoa Điện Tử đã kết nối với các doanh nghiệp, sinh viên có thể gặp gỡ trao đổi và hiểu thêm nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Chương trình đào tạo của các chuyên ngành cũng được rà soát hàng năm để phù hợp với mục tiêu đào tạo với nhu cầu xã hội, ngoài ra Khoa còn lấy ý kiến các nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo [H6.06.01.01].

Các chương trình đào tạo, chuyên ngành đào tạo, cơ cấu tổ chức và các hoạt động của Khoa Điện Tử được cập nhật thường xuyên và phổ biến chi tiết cho HSSV trong chương trình "Tuần sinh hoạt công dân-HSSV" đầu mỗi khoá học, đầu năm học, trong sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn thể đã giúp cho người học nắm rõ được về Khoa Điện Tử [H6.06.02.03], [H6. 06.02.01].

2. Những điểm mạnh

Khoa đã có nhiều chính sách thu hút người học tham gia, có những chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

3. **Những tồn tại**

Khoa Điện Tử chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học về chương trình đào tạo, chưa có các tài liệu để hướng dẫn người học về các chính sách thu hút người học vào quá trình đào tạo. Ngoài ra Khoa chưa có những chính sách khen thưởng đột xuất cho những sinh viên xuất sắc để tạo động lực thu hút thêm người học tham gia vào quá trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới Khoa nên lấy ý kiến thường xuyên phản hồi từ người học, có văn bản hướng dẫn cụ thể về những chính sách khen thưởng cho sinh viên, tạo động lực cho người học tham gia vào chương trình đào tạo. Hàng năm lựa chọn những

sinh viên tiêu biểu của năm, của ngành nhằm động viên và xây dựng niềm tự hào cho sinh viên trên con đường học tập.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 6.2: Người học được cung cấp đầy đủ các thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập.

Từ khóa: cung cấp, đầy đủ, nội dung, chuẩn đầu ra, kiểm tra đánh giá

1. Mô tả

Hàng năm Khoa Điện Tử đã triển khai các biện pháp thực hiện đầy đủ và đúng hạn việc phổ biến, cung cấp thông tin cho người học về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và quy định khung chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch công tác hàng năm của nhà trường, kế hoạch của khoa và từng bộ môn thông qua "Tuần sinh hoạt công dân", các giờ sinh hoạt lớp, thông qua sổ tay sinh viên, vai trò của các Cố vấn học tập và hệ thống website của nhà trường [H6.06.01.03], [H6.06.02.01], [H6.06.02.04].

Các chương trình đào tạo của Khoa Điện Tử cung cấp cho người học thuộc chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển đều có mục tiêu phổ biến về quy chế đào tạo, nội dung chương trình đào tạo cũng như ý nghĩa tầm quan trọng của những nội dung thuộc chuyên ngành. Qua đó đã định hướng cho người học trong quá trình tự xây dựng cho mình một khối lượng học tập phù hợp. Tất cả các nội dung thông tin trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thuộc chương trình đều hướng tới việc cung cấp, phổ biến cho người học đều đảm bảo đầy đủ các tiêu chí về chất lượng đào tạo, cụ thể như khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức chuyên ngành với một cấu trúc hợp lý, thiết kế một cách có hệ thống trong từng môn học đảm bảo tính logic phù hợp với chuyên ngành.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả người học thuộc chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được Khoa Điện Tử thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua việc biên soạn đề cương, bài giảng của giảng viên và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về nội dung, hình thức và cách thức truyền đạt của giảng viên [H6.06.01.03], [H6.06.02.01], [H6.06.02.03].

2. Những điểm mạnh

Phương pháp phổ biến thông tin cho người học đối với chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được quy định chặt chẽ, đảm bảo cho người học luôn kịp thời cập nhật thông tin mới nhất về nội dung chương trình đào tạo.

Việc kiểm tra đánh giá, kiểm soát việc xử lý thông tin được quy định rõ ràng đảm bảo thông tin cung cấp cho người học mang tính thường xuyên, chính xác, kịp thời. Đồng thời tiếp nhận và xử lý những thông tin phản hồi từ người học đảm bảo tính liên tục.

3. Những tồn tại

Kênh thông tin từ cố vấn học tập đến người học nhiều khi còn bị hạn chế do cố vấn học tập còn vừa thực hiện nhiệm vụ giảng dạy vừa giữ vai trò cố vấn học tập nên thời gian dành cho việc truyền đạt thông tin tới người học và xử lý thông tin phản hồi chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2015-2016 Khoa Điện Tử tổ chức các buổi tư vấn về chương trình đào tạo cho người học về mục đích, nội dung, ý nghĩa thực tiễn của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển. Xây dựng kênh phổ biến thông tin tới người học một cách hệ thống, xây dựng chương trình hoạt động cụ thể cho đội ngũ Cố vấn học tập giúp sinh viên tiếp nhận thông tin và nắm bắt thông tin kịp thời về nội dung chương trình đào tạo thuộc chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4

Tiêu chí 6.3: Người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập.

Từ khóa: cung cấp đầy đủ, dịch vụ tư vấn hỗ trợ

1. Mô tả

SV chương trình ngành Kỹ thuật điều khiển được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập như: SV được phổ biến về mục tiêu đào tạo, các quy chế, quy định về công tác đào tạo; Chương trình đào tạo; Các nội dung, yêu cầu trong đào tạo theo học chế tín chỉ và học tập đáp ứng nhu cầu của xã hội thông qua "Tuần sinh hoạt công dân HSSV" đầu khóa học, đầu năm học [H6.06.02.01]. Ngoài ra mỗi sinh viên còn được cung cấp cuốn sổ tay sinh viên[H6.06.01.03]...Đây là những tài liệu vô cùng quan trọng và hữu ích, cung cấp thông tin chi tiết về chương trình học và yêu cầu kiểm tra đánh giá môn học [H6.06.03.01]. Trong đào tạo theo học chế tín

chỉ, cố vấn học tập là người có ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược học tập của sinh viên. Kể từ năm học 2005-2006 cho đến nay, nhà trường đã ra quyết định phân công đội ngũ GVCN - CVHT có nhiệm vụ tư vấn, trợ giúp sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học, để giúp các em ra quyết định chọn chương trình, môn học phù hợp với nhu cầu, khả năng, sở thích, kế hoạch cá nhân ở hiện tại và tương lai. Hệ thống này có vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng đến sự thành công trong học tập và lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên. Sinh viên còn được cung cấp số điện thoại di động và địa chỉ email để có thể liên lạc với GVCN-CVHT của mình khi có vấn đề liên quan đến việc học tập cần giải đáp.

Để hỗ trợ trong quá trình học tập, sinh viên còn được mượn tài liệu tại thư viện trường, tại Trung tâm học liệu của ĐHTN, được học thêm tại giảng đường vào giờ tự học, được sự hỗ trợ của cán bộ giảng dạy hướng dẫn ôn thi tại các phòng học ở khu ký túc của trường theo kế hoạch đã được báo trước thông qua đài phát thanh khu ký túc, được hỗ trợ giải đáp mọi thắc mắc bởi trung tâm Tư vấn sinh viên, ngoài ra, SV còn được tham gia các hoạt động từ các Câu lạc bộ nhằm hỗ trợ tích cực cho công tác học tập như: tham gia Câu lạc bộ Tiếng Anh, tham gia các câu lạc bộ kỹ thuật [H6.06.03.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa, hội Sinh viên còn chủ động và tích cực tìm kiếm các nguồn học bổng từ phía các tổ chức, cá nhân để tài trợ cho sinh viên gặp hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập như: học bổng của các công ty bảo hiểm, công ty Samsung, canon.....

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của CVHT, về công tác hướng dẫn ôn thi tại các phòng tự học khu ký túc xá.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, tạo môi trường cho người học yên tâm và có được niềm say mê trong học tập, NCKH và sáng tạo.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của CVHT. Công tác hỗ trợ sinh viên hướng dẫn ôn thi tại các phòng học khu ký túc đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2015 - 2016, Nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của CVĐT. Nâng cao công tác hỗ trợ sinh viên tại các phòng làm việc theo kế hoạch, hướng dẫn ôn thi tại các phòng học khu ký túc xá.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 6.4: Người học được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách xã hội

Từ khóa: đảm bảo đầy đủ, chế độ chính sách xã hội

1. Mô tả

Đầu năm học, SV chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật điều khiển được nhà trường được phổ biến đầy đủ và kịp thời các văn bản về các chế độ chính sách như: học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, trợ cấp xã hội; miễn, giảm học phí; vay vốn tín dụng thông qua "Tuần sinh hoạt công dân" đồng thời được hướng dẫn cách làm thủ tục, hồ sơ để được hưởng các chế độ chính sách xã hội theo quy định hiện hành. Thông qua đó sinh viên của trường hiểu rõ được quyền lợi và các chính sách xã hội hỗ trợ sinh viên của nhà nước trong quá trình đào tạo [H6.06.04.02].

Hàng kỳ, quỹ học bổng khuyến khích học tập của trường được trích (5-6)% từ quỹ học phí chính quy của kỳ đó để xét cấp cho các SV có kết quả học tập tốt và rèn luyện tốt. Trong đó quỹ học bổng được trích cho Khoa Điện Tử chiếm tỷ lệ theo số lượng sinh viên của khoa (khoảng 25% quỹ). Số sinh viên chương trình Kỹ thuật điều khiển đạt học bổng khuyến khích học tập hàng kỳ chiếm tỉ lệ cao trong tổng số sinh viên đạt học bổng khuyến khích học tập. Nhà trường có hình thức khen thưởng động viên sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện [H6.06.04.08]. Ngoài ra nhà trường còn xét trợ cấp xã hội và miễn giảm học phí cho các sinh viên thuộc các đối tượng chính sách theo đúng quy định của nhà nước. Danh sách SV chương trình Kỹ thuật điều khiển hưởng chế độ chính sách xã hội được lưu giữ tại phòng CT-HSSV, được đăng tải trên website của trường và được gửi về các lớp, các khoa, phòng có liên quan [H6.06.04.03].

Trạm y tế của trường được gồm cơ sở chính và ký túc xá, có 1 bác sĩ và 3 y tá thường trực chăm sóc sức khỏe cho người học. 100% sinh viên chương trình Kỹ thuật điều khiển được khám sức khỏe đầu khóa học và được khám sức khỏe trước khi ra trường theo quy định hiện hành. Ngoài ra, định kỳ hàng năm trạm y tế còn phối hợp với các bệnh viện, trung tâm y tế có uy tín tổ chức khám sức khỏe định kỳ và lập hồ sơ y bạ cho tất cả sinh viên của trường nhằm mục đích kiểm tra sức khỏe định kỳ và phát hiện

kịp thời các vấn đề sức khỏe để có các phương án điều trị kịp thời. Kết thúc mỗi đợt khám sức khỏe đều có báo cáo kết quả khám và phân loại sức khoẻ cho người học để làm cơ sở theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho SV [H6.06.04.06].

Trong những năm qua, nhà trường nói chung và Khoa Điện Tử nói riêng luôn chú trọng đến đời sống văn hoá tinh thần của SV chương trình Kỹ thuật điều khiển thông qua việc phát triển các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và bố trí thời gian hợp lý để SV tham gia. Các hoạt động này được tổ chức định kỳ, ít nhất 1 lần/năm và đã thu hút đông đảo SV tham gia, tạo được không khí vui tươi lành mạnh trong nhà trường. Ngoài ra, SV chương trình Kỹ thuật điều khiển còn được tham gia các hoạt động trong các câu lạc bộ của trường và của Khoa, tham gia các hoạt động ngoại khoá và các hoạt động tình nguyện [H6.06.05.07], [H6.06.05.11], [H6.06.05.01], [H6.06.05.08], [H6.06.05.10].

Nhà trường bố trí nhà K5 cho sinh viên của Khoa Điện Tử, trong đó sinh viên chương trình Kỹ thuật điều khiển. Mỗi nhà còn dành 5 phòng cho sinh hoạt chung, phòng y tế, phòng trực. Các trang thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ trong KTX đáp ứng được nhu cầu của sinh viên như: phòng kép kín, dịch vụ truy cập Internet, hỗ trợ định mức tiền điện, tiền nước sinh hoạt...

Nhà trường có nhà ăn 2 tầng phục vụ nhu cầu ăn uống cho SV trong KTX. Có đủ cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt văn hoá văn nghệ và thể dục thể thao như hội trường lớn, sân khấu ngoài trời và sân vận động trong khuôn viên trường.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường, khoa đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách xã hội với sinh viên. Sinh viên được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, được chăm sóc sức khỏe thường xuyên và được đảm bảo an toàn trong học tập và sinh hoạt.

3. Những tồn tại

Chưa tổ chức khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên về mức độ hài lòng với ký túc xá, các câu lạc bộ và các hoạt động văn nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2015-2016, Nhà trường sẽ có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của hoat động trên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4

Tiêu chí 6.5: Người học được cung cấp môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh

Từ khóa: cung cấp môi trường học tập, sinh hoạt, an toàn

1. Mô tả:

Khoa Điện Tử tạo điều kiện cho sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển tham gia vào các câu lạc bộ hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao do khoa tổ chức thường xuyên và miễn phí. Bên cạnh đó, khoa đã phối hợp cùng nhà trường, đoàn thanh niên, hội sinh viên có những hoạt động hỗ tích cực trong công tác học tập, van hóa văn nghệ như: Tham gia vào câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ Kỹ thuật v.v [H6.06.05.01], [H6.06.05.03].

Hàng năm, Ban chủ nhiệm Khoa Điện Tử luôn phối hợp với BCH đoàn trường, BCH Liên chi đoàn Khoa Điện Tử tổ chức các giải bóng đá truyền thống của khoa và các chương trình liên hoan tiếng hát sinh viên Khoa Điện Tử để hướng tới chào mừng ngày thành lập khoa 12/05. Bên cạnh đó còn phối hợp với BCH đoàn trường tổ chức hội thao, giao lưu văn nghệ vào những dịp như 26/3, 20/11, ngày Openday… và các buổi tổng kết để báo cáo về các hoạt động văn nghệ thuật, thể thục thể thao đã được thực hiện trong quá trình học của toàn trường nói chung và của Khoa Điện Tử nói riêng để sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển thấy được sự quan tâm của khoa dành cho sinh viên. Bên cạnh các hoạt động bề nổi Ban chủ nhiệm Khoa Điện Tử còn đôn đốc Liên chi đoàn Khoa Điện Tử lên kế hoạch tổ chức các buổi thảo luận học tập các học phần trong từng kỳ học cho các sinh viên ký túc xá nói riêng và sinh viên trong Khoa Điện Tử nói chung vào các buổi tối tại phòng học ở ký túc xá, thành lập đội tự quản sinh viên Khoa Điện Tử để cùng phối hợp với Ban chủ nhiệm Khoa Điện Tử đôn đốc giờ giấc sinh hoạt của sinh viên ký túc xá, bên cạnh đó giúp Ban chủ nhiệm khoa có thêm một kênh thông tin để nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của sinh viên. [H6.06.05.06], [H6.06.05.11].

Ngoài ra Ban chủ nhiệm khoa còn phối hợp với phòng CTHSSV để xét duyệt một cách công bằng và công khai cho những sinh viên xuất sắc và sinh viên nghèo vượt khó với nhiều hình thức khen thưởng khác nhau, sinh viên được nhận học bổng của các cá nhân và tập thể tài trợ. Bên cạnh những hoạt động trên, khoa cùng với đoàn, hội sinh viên tổ chức định kỳ cho sinh viên sinh hoạt ngoại khóa như thăm quan một số nhà máy [H6.06.05.13], [H6.06.05.14]

Tuy nhiên, khoa chưa có định kỳ tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt để cải tiến đáp ứng nhu cầu và cũng chưa có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao tại khuôn viên trường nên việc tổ chức các hoạt động này còn gặp nhiều khó khăn.

2. Điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy:

Khoa Điện Tử đã có nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được khoa quan tâm và tạo điều kiện cho người học yên tâm và niềm say mê trong học tập.

3. Những tồn tại

Khoa chưa tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động văn hóa nghệ thuật, chưa có đủ điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, Khoa Điện Tử sẽ tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về môi trường học tập chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển nhiều hơn nữa. Ngoài ra, Khoa Điện Tử sẽ phối hợp cùng nhà trường đầu tư cải thiện khuôn viên nhà trường, tạo ra các khu vui chơi, sinh hoạt tốt trong khuôn viên mới của nhà trường.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 6.6: Các chương trình hỗ trợ người học có hiệu quả trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách

Từ khóa: chương trình hỗ trợ, hiệu quả, giáo dục tư tưởng, hình thành nhân cách.

1. Mô tả

Trong những năm qua, trường đại học Kỹ Thuật Công Nghiệp Thái Nguyên nói chung và Khoa Điện Tử nói riêng luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và hình thành nhân cách cho SV, đặc biệt là đối với SV thuộc chương trình Kỹ thuật điều khiển. Nhà trường đã có những quy định về chức trách và nhân sự, về trách nhiệm tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cho SV, các quy định cho người học về nghĩa vụ tham gia các hoạt động này, do đó đã có rất nhiều các hoạt động được tổ chức và mang lại hiệu quả [H6.06.02.04], [H6.06.06.03].

Nhà trường đã có những tài liệu tuyên truyền hướng dẫn SV về các hành vi đạo đức và các giá trị mong đợi như trong các cuốn sổ tay HSSV [H6.06.03.01], niên giám

trường học... Các tài liệu này SV được phát miễn phí vào đầu khóa học. Nhà trường còn có kế hoạch và triển khai sinh hoạt lớp vào đầu mỗi năm học do vậy SV được phổ biến kịp thời các hoạt động cũng như trao đổi các vướng mắc với cố vấn học tập.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức rất nhiều các hoạt động tích cực như: *"Tuần sinh hoạt công dân"* để giới thiệu về nhà trường, sứ mệnh của nhà trường cũng như phối hợp với các cơ quan chức năng trong tỉnh để phổ biến pháp luật, về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội vào đầu năm học, Triển khai tích cực, hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động tới SV của chương trình đào tạo như: cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*. Khoa còn động viên được đông đảo SV tham gia những hoạt động chung của Đoàn trường như: đi thực tế, đi tình nguyện, tham dự hội thi tìm hiểu về phòng chống ma túy, tham gia hội trại phòng chống ma túy, lễ ra quân phòng chống ma túy, tham gia hội thi thanh niên với công tác phòng chống tệ nạn xã hội do Đoàn Khối Dân chính Đảng tổ chức... Cùng với các hoạt động mang tính chất định kỳ như trên, vào dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn như: ngày thành lập Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (26/3), ngày sinh nhật Bác (19/5), chào mừng ngày giải phóng miền Nam (30/4) và ngày Quốc tế lao động (1/5)... tùy điều kiện cụ thể mà Khoa cùng với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các hoạt động theo chương trình kế hoạch của nhà trường như các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao...nhằm mục đích rèn luyện tư tưởng và hình thành nhân cách cho SV. Ngoài ra, Khoa đã tổ chức thành công hội diễn văn nghệ SV, giải bóng đá cho SV [H6.06.05.07], [H6.06.05.11], [H6.06.06.03].

Qua những hoạt động trên SV của Khoa cũng như SV thuộc chương trình Kỹ thuật điều khiển được bồi dưỡng về nhận thức, về tình cảm, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lối sống lành mạnh, có tinh thần, trách nhiệm với tương lai, gia đình và xã hội. Theo báo cáo tổng kết qua các năm đã cho thấy kết quả rèn luyện của SV trong Khoa xếp loại khá trở lên chiếm tỷ lệ cao (hơn 80%) và nhiều SV được Nhà trường, Khoa khen thưởng vì đã có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc. Hàng năm trung ương Đoàn, Trung ương Hội đã khen thưởng cho các cá nhân, tập thể trong trường có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên, công tác Hội và phong trào SV [H6.06.06.03].

Mặc dù vậy, tình trạng thiếu ý thức kỷ luật vẫn tồn tại ở một số SV, biểu hiện như nghỉ học nhiều, đến lớp không đúng giờ, mất trật tự trong lớp, vi phạm quy chế thi và

kiểm tra. Thêm vào đó ngoài những hoạt động chung của Nhà trường thì số lượng các hoạt động mà Khoa tổ chức còn ít, chưa có hoạt động mang tính chất đặc thù dành riêng cho chương trình Kỹ thuật điều khiển. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường, Khoa đã quan tâm đúng mức các hoạt động trên nên việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của SV có chuyển biến rõ rệt. Tình hình trật tự, an ninh trong Khoa cũng như của toàn Trường nói chung tốt.

3. Những tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa có giải pháp hiệu quả, thu hút, lôi cuốn được SV tham gia. Bên cạnh đó còn chưa tổ chức được các hoạt động mang tính đặc thù dành riêng cho SV chương trình Kỹ thuật điều khiển. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2015 – 2016 Khoa Điện Tử sẽ có các biện pháp để tạo sự hứng thú và lôi cuốn SV tham gia, xây dựng được những hoạt động riêng, mang tính đặc thù bên cạnh những hoạt động chung của nhà trường trong công tác rèn luyện tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cho SV chương trình Kỹ thuật điều khiển. Nhà trường tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này mỗi năm 1 lần.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4

Kết luận

Nhà trường đã thực hiện nhiều chính sách và xây dựng chiến lược thu hút người học tham gia chương trình đào tạo, tạo điều kiện tốt cho người học trong quá trình học tập. Đa dạng hình thức và biện pháp hỗ trợ học tập và sinh hoạt cho người học tạo môi trường cho người học yên tâm say mê học tập. Chế độ chính sách thực hiện đầy đủ, kịp thời đảm bảo cho người học, bên cạnh đó các hoạt động văn hóa, thể dục – thể thao thường xuyên tổ chức tạo môi trường tốt trong học tập và sinh hoạt, tạo động lực trong tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống.

Tiêu chuẩn 7: Trang thiết bị, cơ sở vật chất

Mở đầu

Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo với hệ thống cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn và đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ thống thư viện được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập và tra cứu. Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên, giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ giảng viên, tạo điều kiện khai thác và sử dụng hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo.

Tiêu chí 7.1: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển

Từ khóa: đầy đủ, trang thiết bị, thực hiện, chương trình đào tạo

1. Mô tả:

Đến tháng 09 năm 2015 tổng số phòng học của toàn trường là 69, trong đó có 5 phòng học có sức chứa 200 người, 7 phòng học có sức chứa 150 người, 11 phòng học có sức chứa 120 người, 12 phòng học có sức chứa đến 70 người, 29 phòng học có sức chứa 60 người, 5 phòng có sức chứa 50 người. Các phòng học được sử dụng 02 ca/ ngày, tỷ lệ sinh viên/diện tích phòng học (2,8 m2/ 01 sinh viên), đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Tất cả các phòng học Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị dụng cụ giảng dạy hiện đại phục vụ cho công tác đào tạo như phông, máy chiếu, âm ly, loa đài, bảng từ chống lóa, bàn ghế, đủ tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu sử dụng [H7.07.03.01]. Tổng số 68 phòng học tại các tòa nhà A6, A7, A8, A9, A10, A16 và nhà Thí nghiệm đều được thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85).

Để phục vụ tốt cho công tác đào tạo luôn gắn liền với thực tiễn của ngành Kỹ thuật điều khiển nhà trường có trang bị các phòng thí nghiệm Điện - Điện tử được đặt tại nhà Thí nghiệm với đầy đủ thiết bị thí nghiệm phục cụ công tác thí nghiệm theo phương châm học đi đôi với hành [H7.07.01.01]. Trung tâm thực nghiệm với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt công tác thí nghiệm, thực hành của sinh viên. Các phòng thực hành, thí nghiệm đều có nhật ký ghi chép tần suất, theo dõi chặt chẽ quá trình hoạt động của trang thiết bị để đảm bảo cho công tác dạy và học [H7.07.01.02].

Để phục vụ quá trình dạy và học ngoại ngữ, nhà trường trang bị 02 phòng lab với máy tính để bàn cho giáo viên, sinh viên và các thiết bị phòng học Multimedia hiện đại đáp ứng tốt việc giảng dạy/học ngoại ngữ [H7.07.03.01]. Nhà trường đã khai thác hiệu quả công tác dạy/ học, như tổ chức các lớp học để nâng cao trình độ sử dụng ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên và sinh viên trong toàn trường.

Khu ký túc xá khang trang hiện đại với 420 phòng đã đáp ứng rất lớn nhu cầu về nhà ở cho sinh viên [H7.07.03.01].

Tuy nhiên một số thiết bị cũng đang trong tình trạng hỏng hóc và vẫn chưa được đầu tư sửa chữa kịp thời

2. Những điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy:

Hệ thống giảng đường của Nhà trường thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85), đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

Các phòng học được trang bị dụng cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại đạt tiêu chuẩn.

Sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển có điều kiện thí nghiệm, thực hành tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo: học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn sản xuất.

3. **Những tồn tại:**

Công tác Sửa chữa, thay thế thiết bị cũ hỏng vẫn còn chậm

4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Nhà trường khai thác triệt để, sắp xếp thời gian biểu một cách khoa học cho việc sử dụng giảng đường. Tiếp tục đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ công tác dạy và học, cải thiện việc sửa chữa thay thế thiết bị cũ, hỏng

5. **Tự đánh giá**: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 7.2: Có thư viện với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên và cán bộ.

1. Mô tả

Thư viện của Nhà trường được trang bị đầy đủ giáo trình cho tất cả các môn học, trong đó nhiều môn học có cả tài liệu in và tài liệu điện tử.

Tính đến tháng 12 năm 2013, Sách được quản lý bằng phần mềm của Thư viện gồm: 27.192 cuốn sách; luận văn, luận án: 5743; sách tập: 394; Ấn phẩm định kỳ:185; Sách bộ: 126; CD-ROM:01 Tỷ lệ số lượng sách trên giảng viên, người học là 107.331 cuốn/6865 độc giả [H7.07.02.01].

Thống kê hàng năm về lượng sách được sử dụng của thư viện năm 2014 là 65708 cuốn.Tài liệu của thư viện luôn được cập nhật hàng năm cụ thể: năm 2010: 3240 cuốn; năm 2012 là 1494 cuốn; năm 2013 là 300 cuốn [H7.07.02.02]

Nhà trường đã ứng dụng phần mềm trong quản lý thư viện, bên cạnh đó sinh viên còn được cấp tài khoản sử dụng thư viện điện tử của trung tâm học liệu và nguồn tài nguyên của thư viện điện tử này rất phong phú, trong đó có nhiều tài liệu thuộc lĩnh vực Kỹ thuật điều khiển. Để thuận lợi cho việc tra cứu thư viện điện tử, bên cạnh hệ thống mạng không dây, Nhà trường đã trang bị 04 phòng máy tính tại nhà A5, A6 [H7.07.02.03] để phục vụ nhu cầu truy cập thông tin của người học. Ngoài các phần mềm quản lý thư viện các phần mềm phục vụ đào tạo như phần mềm Edusoft cũng được triển khai và đã đem lại hiệu quả trong quản lý cũng như lợi ích cho sinh viên [H7.07.02.04]. Tuy nhiên nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện.

Năm học 2013-2014 nhà trường cũng đã triển khai hệ thống Elearning cho toàn thể sinh viên và giảng viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng trong đào tạo theo tín chỉ [H7.07.02.05].

2. Những điểm mạnh

Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ của thư viện .

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 7.3: Có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm và phòng làm việc đáp ứng nhu cầu của người học, cán bộ, giảng viên.

Từ khóa: đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, đáp ứng, ngành đào tạo Kỹ thuật điều khiển

1. Mô tả

Với diện tích xây dựng trường đại học do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt là 50 ha đã đáp ứng đủ đủ diện tích sử dụng đất và xây dựng giảng đường, phòng học theo quy định của bộ tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Hầu hết các phòng học của Nhà trường hiện có được bố trị ở khu giảng đường A6, A7, A8, A9, A10, A16, Nhà Thí nghiệm được thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85) gồm 69 phòng, trong đó có 5 phòng học có sức chứa 200 người, 7 phòng học có sức chứa 150 người, 11 phòng học có sức chứa 120 người, 12 phòng học có sức chứa 70 người, 29 phòng học có sức chứa 60 người, 5 phòng có sức chứa 50 người [H7.07.03.01]. Với số lượng phòng học như trên và theo kế hoạch phân công các lớp học phần với số lượng lớp của một học kỳ, Nhà trường đáp ứng đủ phòng học 2 ca/ngày.

Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên năm 2013 Ngoài phòng làm việc chung của bộ môn Nhà trường còn bố trí 6 nhà làm việc cho các giảng viên gồm: nhà A1(2.540m^2), A2(1.798m^2), A3(2.405m^2), A4(1.348m^2), A5(1.830m^2), A6(1.100m^2). Trung bình cứ 2 giáo viên có một phòng làm việc, riêng giảng viên có trình độ Giáo sư và Tiến sỹ được bố trí riêng một phòng. Đây là một cố gắng rất lớn của Nhà trường góp phần nâng cao điều kiện làm việc cho các giảng viên [H7.07.03.02].

Nhà trường có trang bị 4 phòng thực hành Tin học có đầy đủ máy vi tính và nhiều các trang thiết bị khác đủ điều kiện phục vụ cho sinh viên học tập và NCKH, thực hành các môn trong khung chương trình như: Tin học đại cương, tin học ứng dụng, … đáp ứng yêu cầu của khối ngành kỹ thuật [H7.07.01.01].

2. Những điểm mạnh

Giảng đường A8, A9, A10, A16, nhà TN và tòa nhà làm việc của Nhà trường được thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981-85), đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

Giảng viên được nhà trường bố trí 2 người một phòng làm việc đầy đủ trang thiết bị cần thiết (nhà A1 đến A_4), kết nối internet qua Wifi.

3. Những tồn tại

Khoảng cách giữa phòng thí nghiệm và bộ môn hơi xa có thể phần nào không thuận tiện. Cách âm trong phòng học chưa đủ tốt cho nên trong quá trình học sinh viên dễ bị ảnh hưởng bởi các âm thanh từ bên ngoài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cải thiện cách âm trong phòng học trong những năm học tới, đa dạng hóa thêm các công cụ trình chiếu như máy document camera để giảng viên có thể dễ dàng chiếu các hình ảnh, ví dụ trực tiếp trong textbook lên máy chiếu.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 7.4: Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sử dụng của người học, cán bộ, giảng viên

Từ khóa: hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ, thông tin, đáp ứng nhu cầu

1. Mô tả

Các ngành học của Nhà trường phần lớn là sử dụng chung các nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin cũng được sử dụng chung. Nhà trường đã xây dựng mạng Lan kết nối các bộ phận trong trường. Toàn bộ máy tính của Nhà trường được kết nối Internet tốc độ cao với 10 máy chủ quản lý dữ liệu được cập nhật liên tục đạt trình độ tiên tiến hiện đại và hoạt động liên tục phục vụ cán bộ, giảng viên và SV Nhà trường truy cập miễn phí 24/24h. Trong khuôn viên Nhà trường được phủ sóng Internet không dây, toàn bộ hệ thống này được quản lý trực tuyến thông qua mạng Internet và có thể kiểm soát được việc truy cập của người sử dụng [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Nhà trường đã xây dựng Website có địa chỉ http://www.tnut.edu.vn và được nâng cấp thành cổng thông tin điện tử trong đó các phòng, khoa, trung tâm có website riêng, Khoa Điện Tử có địa chỉ http://fee.tnut.edu.vn/. Toàn thể cán bộ, giảng viên và SV được cung cấp miễn phí hòm thư điện tử của Nhà trường [H7.07.04.03].

Năm 2013, hệ thống học trực tuyến (Elearning) của Trường được triển khai tại địa chỉ http://tnut.edu.vn/moodle/ đã cung cấp một phương tiện học tập có hiệu quả cho SV [H7.07.04.04].

Công tác quản lý được tin học hóa khá tốt. Việc đăng ký môn học, sắp xếp lịch học, phân công giáo viên, quản lý điểm thi được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo Edusoft [H7.07.04.05]. Nhà trường có đội ngũ kỹ thuật viên hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị và thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng sử dụng máy tính và hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý.

Nhà trường hiện có 04 phòng máy tính phục vụ miễn phí 24/24h. Hệ thống máy tính này luôn được đảm bảo hệ số kỹ thuật bởi cán bộ chuyên trách quản lý để hoạt động đạt hiệu quả cao [H7.07.04.06].

Tuy nhiên, còn hạn chế trong vấn đề an ninh mạng.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng, Nhà trường đã xây dựng quy định việc sử dụng cho hệ thống mạng và hệ thống phòng máy tính phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

3. Những tồn tại

Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính thực hiện chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2015-2016, xây dựng cơ chế và giải pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống mạng máy tính.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 7.5: Có các biện pháp sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo.

Từ khóa: biện pháp, đảm bảo, hiệu quả sử dụng, trang thiết bị, cơ sở vật chất.

1. Mô tả

Các trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường trực tiếp phục vụ giảng dạy như giảng đường, phòng thực hành máy tính, phòng thực hành ngoại ngữ, hệ thống bàn ghế, máy tính, âm ly loa đài… được dùng chung trong toàn Trường. Khi sử dụng các trang thiết bị này được điều phối qua thời khoá biểu hoặc lịch theo đơn xin đề nghị của các đơn vị, do đó tần suất sử dụng đạt mức cao: 3 ca trong ngày cả ngày thứ 7 và chủ nhật [H7.07.05.01].

Phòng Quản trị-Phục vụ chịu trách nhiệm quản lý tổng thể các trang thiết bị của Trường. Đối với các thiết bị giao cho khoa sử dụng, khi hỏng hóc các đơn vị này làm đơn đề nghị lên phòng Quản trị-Phục vụ và Nhà trường xem xét đáp ứng. Từ đó, các kế hoạch thay thế và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động riêng của các đơn vị cũng do các đơn vị chức năng đề nghị, các trang thiết bị phục vụ chung cho toàn trường do phòng Quản trị-Phục vụ đề nghị [H7.07.05.02].

Việc trích khấu hao tài sản được Nhà trường thực hiện theo quy định của Bộ tài chính, đối với việc sửa chữa hoặc hỗ trợ kỹ thuật cho các trang thiết bị thì Nhà trường có quy định riêng [H7.07.04.03]

Để đánh giá mức độ đáp ứng của các trang thiết bị đối với người sử dụng, Nhà trường có lấy ý kiến đánh giá khoá học của sinh viên và giảng viên trong đó có tiêu chí về cơ sở vật chất. Tuy nhiên, khảo sát này chưa được tiến hành thường xuyên, định kỳ

Trong quá trình sử dụng, Nhà trường có kiểm kê, đánh giá chất lượng, đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, giảng đường lớn, thực hành, phòng làm việc cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường

2. Những điểm mạnh

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị có khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng, có tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của cán bộ, giảng viên và sinh viên để sửa chữa trang thiết bị.

3. Những tồn tại

Việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị còn tiến hành chưa đầy đủ ở các trang thiết bị và các phòng học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ngay trong năm học 2015-2016, Nhà trường cần bổ sung hướng dẫn sử dụng lên các thiết bị ở giảng đường như máy chiếu, âm ly loa đài…

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 2

Kết luận

Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ chương trình đào tạo đảm bảo đáp ứng nhu cầu và yêu cầu, đáp ứng tốt yêu cầu trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập. Hệ thống thư viện đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của sinh viên cũng như cán bộ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo. Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu phục vụ chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 8: Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/ học tập

Mở đầu

Đảm bảo chất lượng được Nhà trường xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình đào tạo, đặc biệt là hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động đào tạo và chương trình đào tạo. Trong năm 2013, Nhà trường cũng đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, cựu sinh viên... về hiệu quả hoạt động đào tạo để có căn cứ rà soát, điều chỉnh và bổ sung học phần, thay đổi khối

kiến thức trong chương trình đào tạo nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trước khi tốt nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và xã hội.

Tiêu chí 8.1: Chương trình đào tạo được trình định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả của hoạt động đào tạo bao gồm sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.

Từ khóa: chương trình đào tạo, định kỳ, ý kiến phản hồi, hiệu quả, hoạt động đào tạo.

1. Mô tả

Khoa Điện Tử phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về hiệu quả hoạt động đào tạo của chương trình Kỹ thuật điều khiển theo chương trình hoạt động chung của Nhà trường về công tác đánh giá, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo. Tuy nhiên, hoạt động này chưa được tiến hành định kỳ mà mới chỉ được tổ chức ở những thời điểm cần thiết.

Từ học kỳ I năm học 2011-2012, nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến đánh giá của người học về các môn học của chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển kết hợp với hoạt động đánh giá giảng viên và được đưa định kỳ vào kế hoạch hoạt động trọng tâm của trường [H8.08.01.01]. Trong đó, hoạt động sinh viên đánh giá chương trình giảng dạy và khóa học cũng đã được triển khai định kỳ từ năm học 2011-2012 áp dụng cho sinh viên hệ chính quy. Trường tổ chức cho sinh viên đánh giá chương trình đào tạo qua việc thực hiện khảo sát bởi Trung tâm tư vấn hỗ trợ sinh viên, trung tâm này được thành lập để giúp giải đáp các thắc mắc của sinh viên cũng như ghi nhận các phản hồi từ sinh viên [H8.08.01.02]. Sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu khảo sát và kết quả được tổng hợp đánh giá làm cơ sở cho việc điều chỉnh chương trình đào tạo trong từng năm học [H8.08.01.03].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã định kỳ khảo sát ý kiến người học về các môn học và giảng viên của chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển sau khi kết thúc mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát được áp dụng điều chỉnh đề cương, phương pháp giảng dạy.

Ý kiến nhà tuyển dụng, cựu người học về hiệu quả của hoạt động đào tạo của chương trình Kỹ thuật điều khiển đã được hội đồng khoa học và đào tạo khoa nghiên cứu điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu của nhà

tuyển dụng và xã hội vào năm 2013 và được hội đồng khoa học trường thông qua để đưa vào đào tạo.

3. Những tồn tại

Chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện. Quy định về công tác lấy ý kiến người học, cán bộ, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng cũng như quy trình thực hiện chưa được ban hành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ điều tra, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên với quy mô mẫu đủ lớn, áp dụng lấy ý kiến riêng cho chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển từ năm học 2015 định kỳ 1 năm 1 lần..

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 8.2: Chương trình đào tạo được điều chỉnh trên cơ sở các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội

Từ khóa: chương trình đào tạo, điều chỉnh, ý kiến phản hồi

1. Mô tả

Để đảm bảo việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo đạt được kết quả cao và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến nhà tuyển dụng, người học về hoạt động đào tạo. Theo đó, hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, hội nghề nghiệp đã được nhà trường tổ chức năm 2013 Đối với sinh viên chính qui, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo cũng như hoạt động đào tạo được thực định kỳ 1 năm 1 lần [H8.08.01.01]. Từ đó, chương trình đào tạo được điều chỉnh thường xuyên dựa trên mục tiêu, sứ mạng của trường cũng như ý kiến phản hồi của người học [H8.08.02.01].

Bắt đầu từ năm 2006, đào tạo theo học chế tín chỉ được áp dụng thay thế cho đào tạo theo niên chế cũng phản ánh sự thay đổi tích cực của nhà trường về cơ chế đào tạo theo xu hướng đã thực hiện ở các nước tiên tiến trên thế giới.

Ngoài ra, để hoàn thiện các chương trình đào tạo, nhà trường còn tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế như chương trình Kỹ thuật điện của Đại học bang Oklahoma - Hoa Kỳ (chương tình tiên tiến), Đại học Sơn Đông - Trung Quốc) từ đó làm cơ sở để xây dựng và ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ một cách mềm dẻo hơn.

Tuy nhiên, việc điều chỉnh chương trình đào tạo mới chủ yếu dựa trên tham khảo ý kiến của người sử dụng lao động, các chương trình đào tạo tiên tiến. Việc lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên đánh giá về chương trình đào tạo để điều chỉnh còn nhiều hạn chế.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

3. Những tồn tại

Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm và thường xuyên thực hiện. Do đó, các góp ý còn hạn chế và trong phạm vi hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ 1 năm một lần, Khoa Điện Tử cùng với Nhà trường tổ chức hội nghị lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội, dự kiến tổ chức lần tiếp theo vào năm 2016. Các ý kiến từ phía sinh viên, cựu sinh viên sẽ được mở rộng, tăng số lượng điều tra và thực hiện định kỳ 1 năm 1 lần.

5. Tự đánh giá kết quả: Tiêu chí đạt mức 3

Kết luận

Hoạt động đảm bảo chất lượng trong quá trình giảng dạy và học tập được Nhà trường quan tâm đúng mức nhằm đánh giá hiệu quả và kết quả hoạt động đào tạo với sự tham gia của các bên liên quan. Trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường có căn cứ điều trình chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội, nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

IV. KẾT LUẬN

Tập thể lãnh đạo, cán bộ viên chức, cán bộ giảng viên và sinh viên Khoa Điện Tử và toàn trường đã nỗ lực không ngừng trong hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo. Báo cáo tự đánh giá là minh chứng để công bố với cơ quan quản lý nhà nước, xã hội và người học chất lượng hoạt động giáo dục đào tạo, đồng thời là căn cứ để Nhà trường, Khoa Điện Tử điều chỉnh và khắc phục những tồn tại trong chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo. Thông qua báo cáo tự đánh giá, Nhà trường và Khoa Điện Tử xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo nhằm không ngừng nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên tự đánh giá: Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển đạt chất lượng giáo dục.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 4 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Trần Minh Đức

PHỤ LỤC

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H1.01.01.01	Sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp- Đại học Thái Nguyên	2008-2014	Website: Tnut.edu.vn	
H1.01.01.02	Quyết định về thành lập hội đồng thẩm định nghiệm thu tài liều hướng dẫn thí nghiệm	Số 430/QĐ ngày 31/3/2012	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.03	Kế hoạch đào tạo của trường; chương trình đào tạo của trường: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2013	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định về việc ban hành quy định học cùng lúc 2 chương trình		Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.04	Kế hoạch giảng dạy, học tập: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ) Kế hoạch trọng tâm năm học	Tháng 8/ 2012	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.06	Kế hoạch giảng dạy và học tập của từng khoá học	2008-2015	Website: Tnut.edu.vn	
H1.01.01.07	Đề cương cho tiết, tài liệu tham khảo: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.09	Chương trình đào tạo từng ngành: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.10	Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học hình thức vừa làm vừa học	Số 291/QĐ-ĐHKTCN, 2014		
H1.01.01.11	Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu khóa học		Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.12	Sổ tay sinh viên	Website, 2011	Trường Đại học KTCN	
H1.01.01.13	Biên bản họp rà soát lại chương trình đào tạo	28/02/2012	Trường Đại học KTCN	

H1.01.01.14	Quyết định về việc thành lập hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo 150 tín chỉ	Số 445/QĐ ngày 12/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H1.01.02.01	Mục tiêu đào tạo: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.02.02	- Mô tả mục tiêu đào tạo: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
	- Mục tiêu chương trình đào tạo		Website: Tnut.edu.vn	
H1.01.03.01	Quyết định về việc thành lập hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo 150 tín	Số 445/QĐ ngày 12/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.02	Báo cáo rà soát chương trình đào tạo	17/8/2012	Phòng TTKT&ĐBCL - Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.03	Khối lượng kiến thức chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển	13/8/2013	Khoa Điện Tử - Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.04	Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.05	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo quản lý sử dụng lao động và cựu sinh viên	2014	TT ĐT Theo NCXH - Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.06	Công văn về việc biên soạn đề cương chi tiết	Số 114/ĐHKTCN-ĐT, 2014	Trường Đại học KTCN	
H1.01.03.07	Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo Hệ thống tín chỉ	Số 515/QĐ-ĐHKTCN, 2014	Trường Đại học KTCN	

H1.01.04.01	Chuẩn đầu ra: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.04.02	Chương trình và đề cương môn học: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.04.03	Mô tả chương trình: Chương trình giáo dục đại học (theo hệ thống tín chỉ)	Chương trình đào tạo 2010	Trường Đại học KTCN	
H1.01.04.04	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo quản lý sử dụng lao động và cựu sinh viên	2014	TT ĐT Theo NCXH – ĐH KTCN	
H1.01.04.05	Sổ họp Khoa Điện Tử Tử	2008-2014	Khoa Điện Tử - ĐH KTCN	
H2.02.01.01	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Các văn bản quy định về việc xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra; văn bản chuẩn đầu ra đã ban hành;		P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.02	Các văn bản về xây dựng chương trình: QĐ số 257/QĐ-ĐT v/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình, Ban xây dựng chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và tổ thư ký; QĐ số 645/QĐ-ĐTĐH v/v ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ hệ đại học nhóm ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử và Sư phạm kỹ thuật Điện - Tin		Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.03	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Chương trình đào tạo; các bản mô tả chương trình đào tạo của đơn vị.	2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	

H2.02.01.04	QĐ số 137/DHKTCN-ĐT v/v kiểm tra, rà soát khung chương trình và kế hoạch đào tạo của các ngành và chuyên ngành đào tạo	30/8/2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.05	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Các đề cương môn học trong chương trình.	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.06	Ý kiến của người học đánh giá về môn học trong chương trình: Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa	41061	P. TTKT - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.07	Biên bản họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo 150 tín chỉ điều chỉnh ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	41579	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.01.09	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2014	TT ĐT Theo NCXH - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.01	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Khung chương trình đào tạo của đơn vị và các đề cương môn học.	2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.02	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Số liệu thống kê về cấu trúc chương trình;	2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.03	Biên bản họp các hội đồng, các hội nghị rà soát chương trình: số 114/DHKTCN-DT 8/7/2013 v/v kế hoạch triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT; số 140/ĐHKTCN-ĐT ngày 5/9/2013 v/v tiếp tục hoàn thiện CTĐT; số 159/ĐHKTCN-ĐT ngày 27/9/2013 v/v hoàn chỉnh CTĐT 150TC.	2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	

H2.02.02.04	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên.	2015	TT ĐT Theo NCXH - Trường Đại học KTCN	
H2.02.02.05	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2015	TT ĐT Theo NCXH - Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.01	Các văn bản về xây dựng chương trình: QĐ số 257/QĐ-ĐT v/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình, Ban xây dựng chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và tổ thư ký; QĐ số 645/QĐ-ĐTĐH v/v ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ hệ đại học nhóm ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử và Sư phạm kỹ thuật Điện - Tin		Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.02	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Chương trình đào tạo của đơn vị; bản mô tả môn học trong chương trình đào tạo của đơn vị;	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.03	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Các bản đề cương môn học;	Chương trình đào tạo 2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.04	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên.	2014	TT ĐT Theo NCXH - Trường Đại học KTCN	
H2.02.03.05	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Kế hoạch đào tạo, lịch học của các môn học trong chương trình.	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	

H2.02.03.06	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên	2014	TT ĐT Theo NCXH - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.01	Chương trình đào tạo của đơn vị và các đề cương môn học: Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.02	Mục tiêu đào tạo của ngành: Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2013	Chương trình đào tạo 2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.03	Các biên bản về việc định kỳ rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với mục tiêu đào tạo và nhu cầu xã hội: QĐ số 137/DHKTCN-ĐT v/v kiểm tra, rà soát khung chương trình và kế hoạch đào tạo của các ngành và chuyên ngành đào tạo		P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.04.04	Chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển năm 2010: Các bản mô tả chương trình đào tạo của đơn vị.	Chương trình đào tạo 2010	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.01	Thông báo v/v học cùng lúc hai chương trình và đạo tào văn bằng hai tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.	2013	P. CNTT- Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.02	Thông báo mở lớp đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	2013	P. CNTT- Trường Đại học KTCN	

H2.02.05.03	Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông dọc và liên thông ngang, liên thông trong và liên thông ngoài: QĐ 631/QĐ-ĐT ngày 27/10/2008 v/v thành lập Hội đồng xây dựng, các ban xây dựng chương trình đào tạo hệ cao đẳng và liên thông từ cao đẳng lên đại học theo hệ thống tín chỉ và tổ thư ký; QĐ số 89/QĐ-ĐT ngày 03/02/2009 v/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đồng thời hai văn bằng theo hệ thống tín chỉ cho các ngành học trong toàn trường và tổ thư ký.	2008, 2009	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.04	Biên bản các cuộc họp về thiết kế chương trình liên thông: QĐ số 89/QĐ-ĐT ngày 03/02/2009 v/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đồng thời hai văn bằng theo hệ thống tín chỉ cho các ngành học trong toàn trường và tổ thư ký.	2009	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.05.05	Các minh chứng khác liên quan đến tính liên thông trong chương trình giáo dục của trường: QĐ số 246/QĐ-ĐT ngày 7/4/2009 v/v ban hành chương trình đào tạo đại học cùng lúc hai chương trình và đào tạo văn bằng hai theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp; QĐ số 541/QĐ-ĐT ngày 31/8/2009 v/v ban hành chương trình các học phần học liên thông từ cao đẳng lên đại học theo hệ thống tín chỉ.	2009	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H2.02.06.01	Sổ tay sinh viên	2015	Trường ĐH KTCN	
H2.02.06.02	Quy định về điểm thành phần, điểm đánh giá thường xuyên	2015	Trường ĐH KTCN	
H2.02.06.03	Quy định về ra bài tập từ sách Tiếng Anh	2015	Trường ĐH KTCN	

H2.02.06.04	Kế hoạch đào tạo, lịch học của các môn học trong chương trình;	Chương trình đào tạo 2015	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.01.01	Chương trình đào tạo của đơn vị và các đề cương chi tiết môn học;	Chương trình đào tạo 2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.01.02	Khoa chỉ đạo bộ môn xây dựng phương pháp giảng dạy và học tập	2008-2015	Khoa Điện Tử	
H3.03.01.03	TBvv. Đánh giá sử dụng hệ thống E - Learning trong giảng dạy và học tập	Tháng 9/2015	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.01.04	TBvv. Triển khai đánh giá xếp loại giảng viên	Tháng 12/2015		
H3.03.01.05	Cv vv. Điều chỉnh chương trình đào tạo 150TC	2015	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.01.06	CV vv. Quy định 05 tài liệu phục vụ giảng dạy của GV	Tháng 6/2013		
H3.03.01.07	Bảng tổng hợp, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	2014	Phòng KT&ĐBCL - Trường ĐH KTCN	
H3.03.02.01	Sổ tay hướng dẫn sinh viên;	Sổ tay SV 2009 - 2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.02.02	Quyết định về ban hành quy định về phân cấp quản lý sinh viên; Quyết định cử sinh viên lớp TQ 2+2 đi học lớp hán ngữ ngán hạn tại Quế Lâm - Trung Quốc	Số 120/QĐ-ĐHKTCN_2013 ; Số 159/QĐ-HSSV	P. CTHSSV - Trường Đại học KTCN	
H3.03.02.03	Cv vv. Triển khai chương trình "mỗi giảng viên một sản phẩm cộng nghệ"	Tháng 9/2013	P. QLKH&ĐTQT	
H3.03.02.04	TBvv. Đổi mới trong tổ chức đào tạo học kỳ 2 năm học 2013- 2014	Tháng 1/2014	P.ĐT - Trường	

			ĐHKTCN	
H3.03.02.05	Tb vv. Quy định đưa bài giảng, chữa mẫu bài tập, sửa bài tập, nhiệm vụ về nhà của sv trên E-learning	Tháng 9/2014	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H3.03.02.06	Sổ họp Khoa Điện Tử về công tác HSSV	2015	Khoa Điện Tử	
H3.03.03.01	Chương trình đào tạo của đơn vị và các đề cương chi tiết môn học	Chương trình đào tạo 2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.02	Mô tả chương trình đào tạo của đơn vị	Chương trình đào tạo 2013	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.03	Công văn về tổ chức ngày hội việc làm SAMSUNG	Số 130301/ HR - SEV - 2013	SAM SUNG	
	Tuyển dụng của công ty TNHH SAMSUNG Electronics Việt Nam	Số 20/TB-ĐHKTCN	Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.04	Kế hoạch thực tập, đi xưởng của ngành nghề đào tạo;	Website nhà trường	P. Đào tạo - Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.05	Sổ họp Khoa Điện Tử	2008-2013	Khoa Điện Tử - Trường Đại học KTCN	
H3.03.03.06	TB vv. Sử dụng hệ thống E - learning trong giảng dạy và học tập	Tháng 9/2014	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H3.03.03.07	TB vv. Kiểm tra vở ra bài tập, nhiệm vụ về nhà của giảng viên	Tháng 4/2014& 9/2014	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H3.03.03.08	TB vv. Lập kế hoạch làm việc của giảng viên tại phòng làm việc.	Tháng 9/2013	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	

H3.03.03.09	TB vv. Mở phòng máy tính cho sv sử dụng miễn phí	Tháng 8/2013	P.ĐT - Trường ĐHKTCN	
H4.04.01.01	Quy định về điểm thành phần, số bài tập cho một tín chỉ, bài tập về nhà	2015	Trường Đại học KTCN	
H4.04.01.02	Báo cáo kế hoạch đảm bảo chất lượng năm 2014	2014	Trường Đại học KTCN	
H4.04.01.03	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy QĐ về việc thành lập hội đồng thi Khoa Điện Tử	50/QĐ, 05/07/2013 740/QĐ, 09/12/2014	Trường Đại học KTCN	
H4.04.01.04	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy	50/QĐ, 05/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.01.05	Bảng tổng hợp điểm thi TB về việc kiểm tra vở ra bài tập và nhiệm vụ về nhà cho SV; TB về việc kiểm tra vở bài tập của Giáo viên.	2014	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.01	Sổ tay sinh viên	2011 - 2015	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.02	Các đề cương chi tiết môn học: Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ ngành Kỹ thuật điều khiển	Chương trình đào tạo 2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.03	Báo cáo kết quả thực hiện tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	2010,2011,2012, 2014,2015	Trường Đại học KTCN	
H4.04.02.04	Thông báo v/v đăng ký phân ngành và thực tập tốt nghiệp	2015	Trường Đại học KTCN	
H4.04.03.01	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy	50/QĐ, 05/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.03.02	Quy định về phúc khảo bài thi, phiếu điểm phúc khảo được dán tại bảng tin VPK (Sổ	2011 - 2013	Trường Đại học KTCN	

	tay sinh viên)			
H4.04.04.01	Phiếu đề xuất cấu trúc thi	2012	Trường Đại học KTCN	
H4.04.04.02	QĐ về việc thành lập hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo	445/QĐ, 12/07/2013	Trường Đại học KTCN	
	TB về việc tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo	140/ĐT, 05/05/2013		
	CV về việc điều chỉnh lịch trình giảng dạy	565/CV, 03/08/2011		
	QĐ về việc ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống TC	645/QĐ, 03/11/2008		
H4.04.04.03	Họp khoa liên quan đến ngân hàng câu hỏi, xây dựng bảng trọng số, tổ chức đánh giá ngân hàng câu hỏi		Khoa Điện Tử	
H4.04.05.01	QĐ về việc ban hành quy định về công tác thi hệ chính quy	50/QĐ, 05/07/2013	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.02	QĐ về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	43/QĐ, 15/08/2007	Trường ĐHKTCN	
H4.04.05.03	Thư gửi kết quả học tập về cho gia dình sinh viên	2015	Khoa Điện Tử	
H4.04.05.04	Điểm kiểm tra, thi trên phần mềm Edusoft			
H4.04.05.05	Website của trường - Phần mềm Edusoft	2008-2015	Trường Đại học KTCN	
H4.04.05.06	Bảng tổng hợp điểm thi	2012-2015	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.01	Báo cáo danh sách cán bộ trong biên chế nhà nước bao gồm cả cán bộ cơ hữu và kiêm nhiệm	2014	Trường Đại học KTCN	

	Danh sách, trích ngang giảng viên tham gia giảng dạy chương trình, cán bộ nhân, viên thực hiện chương trình; cơ cấu giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng;	2015	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với CBVC	508/QĐ 29/11/2013	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.02 .	Quyết định chi tiền thưởng hoàn thành luận án tiến sĩ đúng hạn	19/03/2013	Trường Đại học KTCN	
	Bảng kê về khối lượng giờ giảng dạy	2008, 2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.03	Báo cáo thống kê về công tác tổ chức cán bộ	24/10/2008; 23/3/2009	Trường Đại học KTCN	
	Thống kê thực trạng đội ngũ viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập	tháng 11/2013	Trường Đại học KTCN	
	Báo cáo thống kê chất lượng đội ngũ viên chức	23/03/2009	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định chi hỗ trợ học phí cao học, học phí nghiên cứu sinh, hỗ trợ làm luận án nghiên cứu sinh	333, 334/QĐ 06/06/2012; 936,937, 938/QĐ 20/12/2012; 65/QĐ 27/01/2014	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.04	Báo cáo tổng kết năm học tại Hội nghị cán bộ viên chức Khoa Điện Tử	2012	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.05	Sổ tay sinh viên	2009-2013	Trường Đại học KTCN	
H5.05.01.06	CV vv kiểm tra đánh giá xếp thứ tự giảng viên trong bộ môn kỳ II năm học 2013-2014	07/ 7/2014	Trường Đại học KTCN	
H5.05.02.01	Thông báo về việc tính giảm trừ định mức giảng dạy	2014,2015	Trường Đại học KTCN	

	Quyết định cử cán bộ đi dự thi nghiên cứu sinh năm 2014	2014, 2015	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ tham dự lớp học tiếng Anh, Quyết định cử đi làm nghiên cứu sinh	2014,2015	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ nữ đi bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý	2015, bồi dưỡng quản lý giáo dục	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh	532/QĐ TCCB 28/05/2009; 367/QĐ TCCB 03/06/2009; 386/QĐ 06/07/2012	Trường Đại học KTCN	
	Thông báo về việc tham dự lớp bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên trẻ	898/TB TCCB 4/12/2012	Trường Đại học KTCN	
	Thông báo về việc tham dự lớp bồi dưỡng thiết kế bài giảng trong đào tạo theo tín chỉ ..	18/ CV-TCCB 18/01/2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.02.02	Quyết định cử cán bộ đi công tác	286/QĐ 18/05/2012; 404/QĐ 13/07/2012; 386/QĐ 06/07/2012; 576/QĐ 10/09/2012; 465/QĐ 03/08/2012;	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách cán bộ giảng viên đi học tiếng Anh tại Philippines	63/CV TCCB 9/3/2011	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định cử cán bộ tham gia lớp học TOEFL - ITP	2014,2015	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách cán bộ giảng viên đi công tác tại Hoaky, CHLB Đức, Bulgari	327/CV TCCB 29/06/2011;	Trường Đại học KTCN	

		175/CV TCCB 30/03/2011; 522/QĐ 27/08/2012; 194/QĐ 29/05/2013		
	Quyết định cử cán bộ giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng phương pháp dạy học	345/QĐ TCCB 31/05/2010	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách CBVC tham gia tập huấn công tác văn thư lưu trữ	24/11/2011	Trường ĐH KTCN	
	Quyết định cử cán bộ giáo viên tham gia hội thảo khoa học, học tập tại Thái lan,	620/QĐ 17/10/2012; 644/QĐ 26/10/2012; 286/QĐ 18/05/2012	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách CBVC tham gia lớp nghiệp vụ sư phạm	2013,2014,2015	Trường Đại học KTCN	
H5.05.02.03	TOEFL - ITP test result	tháng 2, 12/2013	Công ty cổ phần IIG VIỆT NAM	
	Bằng tiến sĩ kỹ thuật	29/08/2013	Hàn Quốc	
	Bằng tiến sĩ	15/11/2013	ĐHTN	
	Bằng thạc sĩ	40788	ĐH KTCN	
	Bằng thạc sĩ	15/06/2012	ĐH BK HN	
H5.05.02.04	Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến người học kỳ 1 năm học 2010 - 2011 về các hoạt động của các trung tâm và khối văn phòng về hiện tượng tiêu cực trong đào tạo	2014,2015	Trường Đại học KTCN	

H5.05.03.01	Quy định về tuyển dụng đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ	2014,2015	Trường Đại học KTCN	
	Quyết định về việc ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng và đào tạo bồi dưỡng CBVC của trường ĐH KTCN	Số 582/QD – ngày 24/12/2013	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.02	Thông báo về việc xét tuyển hợp đồng Thông báo về tiêu chuẩn tuyển dụng GV	2015 2013,2014	Trường Đại học KTCN	
	Thông báo về việc đánh giá hết tập sự	2015	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.03	Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với CBVC	2009,2011 2012,2015	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.04	Báo cáo tổng kết năm học của nhà trường;	2014	Trường Đại học KTCN	
	Báo cáo tổng kết thi đua năm học của nhà trường;	2014	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.04	Báo cáo thành tích năm học của nhà trường;	2014	Trường Đại học KTCN	
	Hồ sơ của giảng viên, các kết quả giảng dạy, nghiên cứu và các thành tích khác của giảng viên	P. HCTC	Trường Đại học KTCN	
H5.05.03.06	Quyết định nâng bậc lương	2015	Trường Đại học KTCN	
H5.05.04.01	Bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp khoa, phòng Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	179/ĐHTN-TCCB, 11/3/2011	Đại học Thái Nguyên	
	Về việc thành lập tổ công tác lấy phiếu tín nhiệm trưởng các đơn vị	751/QĐ-TCCB, 8/11/2011	Trường Đại học KTCN	
	QĐ Thành lập tổ công tác thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm Trưởng, phó các đơn vị trong trường	136/QĐ-TCCB,15/3/2011	Trường Đại học KTCN	

	Thành lập tổ công tác thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm Trưởng, phó bộ môn các đơn vị trong trường.	68/QĐ-TCCB, 08/3/2011	Trường Đại học KTCN	
	Bổ nhiệm Trưởng, Phó bộ môn thuộc Khoa Điện Tử	Từ 493 đến 498/QĐ-TCCB, 22/9/2008	Trường Đại học KTCN	
	Bổ nhiệm trưởng phó bộ môn	66/QĐ-TCCB, 8/3/2011	Trường Đại học KTCN	
	Về việc Bổ nhiệm cán bộ	625, 626, 677, 654/QĐ-TCCB, 10/11/2011	Trường Đại học KTCN	
		292, 294/QĐ-TCCB, 27/5/2011	Trường Đại học KTCN	
	Về việc đề xuất số lượng nhân sự Phó Hiệu trưởng và quy trình kéo dài chức danh phó Hiệu trưởng	507/CV-TCCB, 04/10/2011	Trường Đại học KTCN	
	Về việc giao nhiệm vụ Cán bộ	741,743, 744,745/QĐ-TCCB, 6/12/2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.04.02	Về việc Bổ nhiệm cán bộ nhiệm kỳ 2011-2016	114,113,115,116,118,119,122,123,120/QĐ-TCCB, 15/03/2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.04.03	Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm trưởng, phó bộ môn các đơn vị trong trường	/QĐ-TCCB, 08/3/2011	Trường Đại học KTCN	
H5.05.05.01	Tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ cán bộ viến chức theo thang điểm A -B - C -D	2014-2015	Trường Đại học KTCN	
	Trích biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng	2014-2015	Trường Đại học KTCN	

	Thi đua khen thưởng năm học 2014-2015	694/QĐ-TĐKT, 20/11/2008	Trường Đại học KTCN	
	Công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2014-2015	2015	Trường Đại học KTCN	
H5.05.05.02	Các biên bản dự giờ và đánh giá bài giảng	2014,2015	Trường Đại học KTCN	
H5.05.05.03	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường	172/QĐ-ĐHKTCN, 09/5/2013	Trường Đại học KTCN	
H5.05.05.04	TB về việc tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức các cấp	2014	Trường Đại học KTCN	
	Nghị quyết Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức năm 2014	2014	Trường Đại học KTCN	
	Báo cáo trình hội nghị cán bộ viên chức năm 2014	2014	Trường Đại học KTCN	
H5.05.05.05	Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến người học kỳ I năm học 2013-2014 về các hoạt động của các trung tâm và khối văn phòng về hiện tượng tiêu cực trong đào tạo	2013-2014	Trường Đại học KTCN	
H6.06.01.01	Phiếu khảo sát tình trạng làm việc của sinh viên tốt nghiệp	2014	Trường Đại học KTCN	
H6.06.01.02	Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các quyết định mức học phí hệ Đại học chính quy và hệ vừa học vừa làm	Số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010	Thủ tướng chính phủ	
		Số 307/QĐHP-HSSV ngày 01/09/2009		
		Số 157/ TB-HSSV ngày 25/5/2010		
		Số 33/ HP-	Trường Đại	

		HSSV ngày 22/02/2010	học KTCN	
	Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các quyết định mức học phí hệ Đại học chính quy và hệ vừa học vừa làm	Số 962/ QĐ – ĐHKTCN ngày 15/10/2012	Trường ĐH KTCN	
		Số 874/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/08/2012.	Trường ĐH KTCN	
H6.06.01.03	Sổ tay sinh viên	Năm 2014	Trường Đại học KTCN	
H6.06.02.01	Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 907/QĐ-ĐHKTCN - Ngày 14/09/2012	Trường Đại học KTCN	
H6.06.02.03	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên các khóa K43, K42, K41, K40, LT06, LT07	Website nhà trường	Trường Đại học KTCN	
H6.06.02.04	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên năm học 2014-2015	Website nhà trường	Trường Đại học KTCN	
H6.06.03.01	Sổ tay sinh viên	2009-2014	ĐH KTCN	
H6.06.03.02	Quyết định thành lập Trung tâm tư vấn sinh viên trực thuộc Phòng Công tác - Học sinh sinh viên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Số 532/QĐ-TCCB - Ngày 19/10/2011	Trường Đại học KTCN	
H6.06.03.03	Quyết định thành lập các câu lạc bộ Kỹ thuật	2014	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.02	Thông báo về việc nộp hồ sơ hưởng trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung dài hạn	2014	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.03	Quyết định về việc cấp trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ đại học chính quy dài hạn.	2014	Trường Đại học KTCN	

H6.06.04.06	Thông báo về việc khám sức khỏe cho sinh viên tốt nghiệp	2014	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.07	Công văn về việc tăng cường đảm bảo ANTT và ATGT dịp Tết nguyên đán và lễ hội 2013	Số 649/ĐHKTCN-CTHSSV-18/12/2012	Trường Đại học KTCN	
H6.06.04.11	Quyết định về việc khen thưởng sinh viên có thành tích cao trong học tập, rèn luyện.	2014	Trường Đại học KTCN	
H6.06.05.01	Quyết định về việc thành lập Câu lạc bộ Tennis Trường ĐHKTCN	Số: 9/QĐ-HSV; Ngày 16/10/2012	BCH Hội sinh viên trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
	Quyết định về việc thành lập Câu lạc bộ Sáo trúc Trường ĐHKTCN	Số: 5/QĐ-HSV; Ngày 16/10/2012	BCH Hội sinh viên trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	
	Quyết định về việc kiện toàn English Club Trường ĐHKTCN	Số: 6/QĐ-HSV; Ngày 16/10/2012	BCH Hội sinh viên	
H6.06.05.03	Báo cáo về việc thực hiện chương trình Nhân ái mùa thi năm 2014	2014	BCH Đoàn thanh niên	
H6.06.05.05	Kế hoạch tổ chức chương trình tiếp sức mùa thi năm 2014	2014	BCH Đoàn ĐH KTCN	
H6.06.05.06	Báo cáo công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi 6 tháng cuối năm 2012	Số: 18/BC-ĐTN; Ngày 10/12/2012	BCH Đoàn	

	Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên năm 2012 - 2013	Số: 9/BC-ĐTN; Ngày 02/06/2013	ĐH KTCN	
H6.06.05.07	Kế hoạch tổ chức giải bóng đá truyền thống sinh viên khoa Điện Tử	2015	BCH Liên chi đoàn khoa Cơ khí và Khoa Điện Tử	
H6.06.05.08	Kế hoạch tham gia Festival sinh viên Đại học Thái Nguyên năm 2012	Số: 28KH/ĐTN; ngày 25/11/2012	BCH Đoàn ĐH KTCN	
H6.06.05.10	Thông báo v/v tổ chức " Hội khoẻ Thể dục thể thao sinh viên lần thứ IV" chào mừng 82 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Số: 01/TB-ĐTN; ngày 28/02/2013	BCH Đoàn ĐH KTCN	
H6.06.05.11	Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ thể thao nhân ngày thành lập khoa 12/5	2014,2015	BCH Liên chi đoàn khoa Điện Tử	
	Các thông báo và các kế hoạch về các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao va Chương trìnhUniversity's Open Day	Năm 2013,2014,2015	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	
H6.06.05.13	Quyết định về việc việc phối hợp tổ chức chiến dịch tình nguyện hè 2013	Số 7/CV-ĐTN - 05/06/2013	ĐH KTCN	
	Kế hoạch tham gia chương trình Festival Chào tân sinh viên năm 2013	Số 10KH/ĐTN 28/09/2013	ĐH KTCN	
H6.06.05.14	Kế hoạch đi thăm quan nhà máy Dầu thực vật Cái Lân	2013	ĐH KTCN	
H6.06.06.03	Thông báo về việc tổ chức hoạt hiến máu nhân đạo	2014	ĐH KTCN	

	Kế hoạch tham gia giải bóng đá chào mừng thành lập Khoa Điện tử	2015		
H7.07.01.01	Quyết định về việc chuyển các thiết bị từ trung tâm thí nghiệm về các bộ môn	2015	ĐH KTCN	
H7.07.01.02	Nhật ký thí nghiệm của bộ môn	2015	Trường Đại học KTCN	
H7.07.02.01	Số liệu thống kê tài liệu thư viện	2015		
H7.07.02.02	Thống kê sách của thư viện các năm 2012-2015	Phòng CNTT và Thư viện		
H7.07.02.03	Thông báo trang bị 04 máy tính tại các nhà A5, A6 phục vụ nhu cầu truy cập thông tin, phát wifi toàn trường, TB v/v mở phòng máy tính cho sinh viên sử dụng miễn phí	2014	ĐH KTCN	
H7.07.02.04	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Edusoft	2013	ĐH KTCN	
H7.07.02.05	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Eleaning cho giáo viên và sinh viên	2015	ĐH KTCN	
H7.07.03.01	Biên bản kiểm kê năm 2014-2015	2014-2015	Phòng QT-PV	
H7.07.03.02	Thông báo bố trí phòng làm việc cho giảng viên	2013	ĐH KTCN	
H7.07.04.01	Cơ sở vật chất của trường	2013	Phòng QT-PV	
H7.07.04.02	Công khai cơ sở vật chất của cở sở giáo dục đại học, cao đẳng 2013-2014	1/1/2014	Phòng QT-PV	
H7.07.04.03	Danh sách địa chỉ Email của cán bộ giảng viên		Phòng CNTT-TV	
H7.07.04.04	Thông báo sử dụng Eleaning của nhà trường	2014-2015	Phòng CNTT-TV	

H7.07.04.05	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Edusoft	2013	Phòng QT-PV	
H7.07.04.06	Hệ thống máy chủ quản		Phòng CNTT-TV	
H7.07.05.01	Lịch hoặc bàn điều phối sử dụng trang thiết bị của nhà trường	2015	Phòng QT-PV	
H7.07.05.02	Đơn đề nghị mua sắm thêm các trang thiết bị	2015	Phòng QT-PV	
H7.07.05.03	Quy định về sửa chữa hoặc hỗ trợ trang thiết bị	2013	Phòng QT-PV	
H8.08.01.01	Ý kiến đánh giá hoạt động của giảng viên	2014,2015	Phòng thanh tra pháp chế	
H8.08.01.02	Quy định nhiệm vụ của trung tâm tư vấn hỗ trợ sinh viên	2013	ĐH KTCN	
H8.08.01.03	Phiếu khảo sát đánh giá trương chình đào tạo	2013		
H8.08.02.01	Thông báo về việc tiếp tục hoàn thiện CTĐT	Số 140/ĐHKTCN-ĐT, 5/9/2013	Trường Đại học KTCN	
	Danh sách các bên liên quan cung cấp thông tin phản hồi về chất lượng chương trình đào tạo	11/1/2013	Trường Đại học KTCN	